

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Địa chỉ : Số 86, đường 3/2, Phường 1, TP.Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long  
Điện thoại : (02703) 822729 Fax: (02703) 831283  
Website : <http://vipuco.vn> hoặc <http://vipuco.com>  
Mã chứng khoán : VLP



**TÀI LIỆU  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

❧ ❧ ❧  
THÁNG 6/2020



Số: 03 /TB-HĐQT-CTCC

Vinh Long, ngày 29 tháng 5 năm 2020

**THÔNG BÁO MỜI HỌP  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long. Trân trọng thông báo mời họp đến toàn thể Quý Cổ đông về việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 như sau:

- 1. Thời gian:** 7 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 6 năm 2020 (thứ năm)
- 2. Địa điểm:** Hội trường Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long.  
Số 86, đường 3/2, phường 1, Thành phố Vinh Long, tỉnh Vinh Long.
- 3. Nội dung Đại hội:** (Xem chi tiết nội dung chương trình kèm theo)
- 4. Tài liệu Đại hội:** Được đăng tải trên website của Công ty: <http://vipuco.vn>
- 5. Xác nhận tham dự Đại hội:** Để chương trình Đại hội diễn ra tốt đẹp, đề nghị Quý Cổ đông vui lòng xác nhận tham dự Đại hội theo mẫu Giấy đăng ký dự họp. Trong trường hợp, Quý Cổ đông không trực tiếp tới dự họp có thể ủy quyền cho người Đại diện theo mẫu Giấy ủy quyền của Công ty. (theo mẫu gửi kèm) gửi về văn phòng Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long trước 16 giờ 00 phút, ngày 24/6/2020 theo địa chỉ sau:

**Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long.**

Điện thoại: (02703).822.729 hoặc 098.559.5598 (Đ/c Đặng Thị Ngọc Chân)

Fax: 02703.831.283. Hoặc Email: [ngocchanvl@gmail.com](mailto:ngocchanvl@gmail.com)

Cổ đông tham dự Đại hội có mặt tại địa điểm tổ chức Đại hội vào lúc 7 giờ 30 phút và xin vui lòng mang theo Giấy mời họp; CMND hoặc hộ chiếu (bản gốc). Đối với trường hợp người được ủy quyền đề nghị mang theo Giấy ủy quyền (bản gốc)

*Trân trọng thông báo và kính mời quý Cổ đông tham dự!*

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đào Thanh Liêm**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN THAM DỰ/ ỦY QUYỀN  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Cổ đông:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/ĐKKD.....Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp.....

Số cổ phần sở hữu:.....cổ phần.

Mã số cổ đông:.....

Căn cứ vào Giấy mời tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long tổ chức vào ngày 25/6/2020; xin trả lời về việc tham dự Đại hội như sau:

*(đánh dấu X vào ô vuông)*

Trực tiếp tham dự

Ủy quyền cho lãnh đạo Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long:

Ông Đào Thanh Liêm

Chủ tịch HĐQT

Ông Ngô Thành Thía

Giám đốc

Ủy quyền cho người khác tham dự:

Tên người được ủy quyền:.....

Mã số cổ đông (nếu có).....

Số CMND:.....Ngày cấp:...../...../.....Nơi cấp:.....

*Người được ủy quyền được tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long tổ chức ngày 25/6/2020 và biểu quyết với các vấn đề thuộc nội dung chương trình Đại hội.*

Lưu ý: Khi tham dự Đại hội, Quý cổ đông (hoặc người được ủy quyền) cần mang theo giấy này và CMND (hoặc hộ chiếu) để Ban tổ chức làm thủ tục đăng ký cổ đông.

Người được ủy quyền không được ủy quyền lại cho người khác.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

*(ký và ghi rõ họ tên)*

Vĩnh Long, ngày ..... tháng 6 năm 2020

BÊN ỦY QUYỀN (CỔ ĐÔNG)

*(ký và ghi rõ họ tên; đóng dấu nếu là tổ chức)*

**CHƯƠNG TRÌNH**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020 CỦA**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Thời gian: Bắt đầu lúc 07 giờ 30 phút, Thứ năm, ngày 25/6/2020.

Địa điểm: Số 86, đường 3 tháng 2, Phường 1, thành phố Vinh Long.

| Thời gian     | Nội dung   | Thực hiện |
|---------------|--|-----------|
| 7h30' – 8h    | <b>Đón tiếp và kiểm tra tư cách cổ đông</b><br>- Đón tiếp các cổ đông và đại biểu<br>- Cổ đông đăng ký và nhận tài liệu  |           |
| 8h-8h45'      | <b>Khai mạc đại hội</b><br>1. Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu<br>2. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông<br>3. Chủ tọa chỉ định nhân sự tham gia điều hành Đại hội và Thư ký Đại hội<br>4. Thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu và biểu quyết<br>5. Thông qua chương trình Đại hội<br>6. Thông qua Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội. |           |
| 8h45'-9h15'   | <b>Nội dung Đại hội:</b>   |           |
|               | 7. Báo cáo kết quả SXKD năm 2019 và Kế hoạch năm 2020 của Công ty.<br>8. Báo cáo kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và kế hoạch năm 2020.<br>9. Báo cáo kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2019 và kế hoạch năm 2020.<br>10. Tờ trình Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019.                                       |           |
| 9h15'-9h30'   | <b>Nghỉ giải lao</b>   |           |
| 9h30'- 10h30' | <b>Nội dung Đại hội (tiếp theo)</b><br>11. Thông qua Tờ trình Kế hoạch SXKD năm 2020   |           |

| Thời gian      | Nội dung  | Thực hiện |
|----------------|---|-----------|
| 9h30' - 10h30' | 11. Thông qua Tờ trình Kế hoạch SXKD năm 2020<br>12. Thông qua Tờ trình mức thù lao thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát, Thư ký năm 2020<br>13. Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập các quỹ năm 2019.<br>14. Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020. |           |
|                | 16. Đại hội thảo luận các nội dung các Tờ trình.<br>17. Chủ tọa đoàn trả lời các câu hỏi mà cổ đông quan tâm.<br>18. Đại hội biểu quyết thông qua các Tờ trình.<br>⇒ Ban kiểm phiếu làm việc. Công bố kết quả kiểm phiếu biểu quyết.  |           |
| 10h30' - 11h   | <b>Tổng kết Đại hội</b>   |           |
|                | 19. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.<br>20. Đại hội biểu quyết thông qua.  |           |
|                | 21. Chủ tịch đoàn tuyên bố bế mạc Đại hội.  |           |

Vĩnh Long, ngày tháng 6 năm 2020

**QUY CHẾ LÀM VIỆC**  
**TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

- Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

Nhằm đảm bảo Đại hội cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long năm 2020 diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

**I. MỤC ĐÍCH:**

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội cổ đông thường niên của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

**II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI**

- Đối tượng: Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) và khách mời tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- Phạm vi áp dụng: Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

**III. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ/TỪ VIẾT TẮT:**

- Công ty : Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long
- HĐQT : Hội đồng Quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)

**IV. NỘI DUNG QUY CHẾ:**

**1. Điều kiện tiến hành Đại hội cổ đông:**

- Đại hội cổ đông Công ty được tiến hành khi có số đại biểu tham dự đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần, Đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHCĐ lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các đại biểu đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp Đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành Đại hội lần hai, và trong trường hợp này Đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng đại biểu tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

## **2. Điều kiện cổ đông tham dự Đại hội:**

Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày 05/6/2020 đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông; có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

## **3. Khách mời tại Đại hội:**

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.

- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý).

## **4. Đại biểu tham dự Đại hội phải tuân thủ:**

- Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân,... theo yêu cầu của BTC Đại hội.

- Nhận hồ sơ tài liệu, giấy tờ phục vụ Đại hội tại bộ phận đón tiếp trước hội trường Đại hội.

- Cổ đông đến muộn có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký tham dự; kết quả biểu quyết các vấn đề đã được tiến hành biểu quyết trước khi đại biểu đó đến tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

- Đề điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần Đại biểu có thể đàm thoại bên ngoài hội trường làm việc.

- Tuân thủ các quy định của BTC, của Chủ tọa điều hành Đại hội.

- Trường hợp có đại biểu không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Chủ tọa sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

## **5. Chủ tọa Đại hội:**

- Chủ tịch HĐQT sẽ là chủ tọa điều hành Đại hội. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong HĐQT làm chủ tọa cuộc họp; trường hợp không có người có thể làm chủ tọa

thì thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Nhiệm vụ và quyền hạn của chủ tọa:

- Điều hành công việc của Đại hội theo chương trình, quy chế làm việc của Đại hội.
- Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội.
- Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết.
- Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết.
- Chủ tọa cử một người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và một người hỗ trợ thư ký.
- Hướng dẫn các đại biểu thảo luận.
- Trình các nội dung và kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết.
- Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua.
- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.

#### **6. Thư ký Đại hội:**

Chủ tọa cử ra 02 người làm Thư ký đại hội.

- Nhiệm vụ và quyền hạn:
  - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội.
  - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của đại biểu.
  - Lập biên bản họp đại hội đồng cổ đông.
  - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHCĐ và thông báo đến các cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Chủ tọa và thư ký Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

#### **7. Ban kiểm phiếu:**

- Ban kiểm phiếu gồm những đại biểu chính thức tham dự Đại hội và không có tên trong danh sách ứng cử viên (khi bầu cử) do Chủ tọa giới thiệu (không quá 05 người) để Đại hội thông qua biểu quyết bằng cách giơ thẻ biểu quyết.

- Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:

- Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
- Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử.

#### **8. Phát biểu tại Đại hội:**



- Đại biểu tham dự đại hội khi muốn phát biểu ý kiến phải được sự đồng ý của Chủ tọa Đại hội. Đại biểu phát biểu ngắn gọn và tập trung vào đúng những nội dung trọng tâm cần trao đổi, phù hợp với nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua hoặc gửi ý kiến bằng văn bản cho Thư ký đại hội tổng hợp báo cáo Chủ tọa.

- Chủ tọa Đại hội sẽ sắp xếp cho đại biểu phát biểu theo thứ tự đăng ký, đồng thời giải đáp các thắc mắc của cổ đông tại Đại hội hoặc ghi nhận trả lời sau bằng văn bản.

## **9. Thẻ lệ biểu quyết tại Đại hội:**

### **a. Các quy định chung:**

Mỗi đại biểu đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức phát trực tiếp:

- Một (01) "**Thẻ biểu quyết**" có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề khác trừ các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

- Một (01) "**Phiếu biểu quyết**" có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

### **b. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết:**

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của đại biểu tham dự.

- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có con dấu của công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của đại biểu. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

### **c. Thẻ lệ biểu quyết:**

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết và một (01) thẻ biểu quyết.

- Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua bằng cách: Lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông hoặc đại diện cho cổ đông tham dự Đại hội bằng Thẻ biểu quyết hoặc Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện sở hữu.

\*Hình thức biểu quyết: Có 02 hình thức là giơ thẻ và bỏ phiếu.

-Giơ thẻ: Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc tại Đại hội, thành phần Ban Kiểm phiếu, Biên bản, Nghị quyết Đại hội.

-Bỏ phiếu: Biểu quyết các Báo cáo và các Tờ trình tại Đại hội.

\*Cách thức biểu quyết:

-Giơ thẻ: Theo hướng dẫn của Chủ tọa Đại hội, cổ đông lần lượt biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến) một vấn đề bằng cách giơ thẻ biểu quyết. Khi biểu quyết, mặt trước của thẻ biểu quyết phải được hướng về phía Chủ tọa. Những cổ đông không giơ thẻ biểu quyết được xem là không có ý kiến về vấn đề cần biểu quyết.

-Bỏ phiếu: Cổ đông biểu quyết bằng lựa chọn đánh dấu "X" vào ô tương ứng trên Phiếu biểu quyết (đồng ý, không đồng ý hay không có ý kiến). Những cổ đông không chọn phương án biểu quyết nào đối với 01 vấn đề được xem là không có ý kiến vấn đề cần biểu quyết. Cổ đông bỏ phiếu biểu quyết đã được đánh dấu chọn vào thùng phiếu theo hướng dẫn.

#### **d. Ghi nhận kết quả biểu quyết:**

- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.

- Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận và trả phiếu biểu quyết/thẻ biểu quyết.

- Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu đồng ý, không đồng ý, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

#### **e. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết:**

- Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; phải được số đại biểu đại diện ít nhất 65% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận.

- Đối với các vấn đề còn lại, phải được số đại biểu đại diện ít nhất 51% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận.

#### **V. THỰC HIỆN:**

- Tất cả các đại biểu, người đại diện, đại biểu tham dự Đại hội có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ các nội dung đã quy định tại quy chế này, các quy định, nội quy, quy chế quản lý hiện hành của công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

- Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh

khác;

• Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp ĐHCĐ.

- Các nội dung không được quy định chi tiết tại quy chế này thì thống nhất áp dụng theo quy định tại Điều lệ công ty và các văn bản Luật hiện hành của Nhà nước.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- CB thông tin;
- HĐQT;
- BĐH;
- BKS;
- Lưu VT; Thư ký cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**Đào Thanh Liêm**

Số: 31/BC-CTCC

Vinh Long, ngày 23 tháng 5 năm 2020

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH**  
**NĂM 2019 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2020**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020**

Căn cứ Luật doanh nghiệp, ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ công ty ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 02 /NQ-HĐQT, ngày 29/5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

**I. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:**

**1. Đánh giá tình hình chung.**

**a. Thuận lợi:**

- Được Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đặt hàng đối với hoạt động dịch vụ sự nghiệp công đô thị. Ngay từ đầu năm Ủy ban nhân dân thành phố Vinh Long thực hiện đặt hàng với công ty, từ đó tạo điều kiện thuận lợi cho công ty triển khai thực hiện.

- Ban lãnh đạo theo sát tình hình sản xuất kinh doanh thực tế của công ty, kịp thời phát hiện sai sót, đưa ra phương hướng giải quyết hợp lý và hiệu quả.

- Đầu năm ban lãnh đạo công ty phát động phong trào thi đua trong việc cải tiến kỹ thuật, những sáng kiến đề nâng cao năng suất lao động. Cụ thể trong năm 2019, năng suất lao động công ty tăng 9% so với kế hoạch mà Đại hội đồng và ban lãnh đạo công ty đưa ra, từ đó thu nhập của người lao động được cải thiện đáng kể, thu nhập người lao động tăng lên, góp phần giúp người lao động ngày càng hiệu quả, hăng say hơn, làm cho người lao động ý thức được trong lao động, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, nguyên tắc và người lao động thấy được quyền lợi của mình và trách nhiệm của mình.

**b. Khó khăn:**

- Giá sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công của công ty do Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Long quyết định, trong khi đó các nguyên, nhiên, vật liệu,... đầu vào của Công ty liên tục tăng, làm tăng giá thành ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh công ty.

- Một số máy móc, thiết bị của công ty đang sử dụng đã được mua từ nhiều năm trước chưa mang lại hiệu quả cao. Công ty đang có kế hoạch để đầu tư thay thế dần các máy móc thiết bị này, tuy nhiên việc đầu tư này đòi hỏi nguồn vốn lớn, trong khi đó nguồn vốn của công ty hiện có giới hạn. Hàng

năm công ty phải dành một tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế để trích lập quỹ đầu tư phát triển để mở rộng việc sản xuất kinh doanh của công ty, làm giảm đi tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông.

- Đa số công nhân lao động phổ thông có nhiều kinh nghiệm, nhưng trình độ chuyên môn chưa phù hợp vì công nhân ngành vệ sinh không có cơ quan nhà nước đào tạo, chủ yếu là học việc từ người đi trước.

- Kinh phí dịch vụ công ích đô thị hàng năm chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long bố trí đủ từ đầu năm theo dự toán kinh phí cho UBND thành phố Vĩnh Long. Chính vì vậy khi công ty ký hợp đồng dịch vụ công ích đô thị với UBND thành phố Vĩnh Long (ủy quyền cho Phòng Quản lý đô thị TP. Vĩnh Long) với mức kinh phí ký ban đầu khoản 60% so với dự toán, phần kinh phí còn lại được thanh toán khi nhà nước bố trí thêm kinh phí. Do đó gây khó khăn cho hoạt động công ty vào thời điểm cuối năm khi công ty thực hiện chi trả nợ cho khách hàng và chi trả lương, thưởng cho người lao động.

## 2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Khoản mục                        | ĐVT       | KH 2019 | TH 2019 | TH/<br>KH<br>(%) |
|----|----------------------------------|-----------|---------|---------|------------------|
| 1  | Tổng doanh thu                   | Tr. đồng  | 70.000  | 76.742  | 107              |
| 2  | Lợi nhuận sau thuế               | Tr. đồng  | 9.200   | 10.011  | 109              |
| 3  | Nộp ngân sách                    | Tr. đồng  | 6.000   | 5.281   | 88               |
| 4  | Cổ tức                           | %         | 7       | 8       | 114              |
| 5  | Lãi trên cổ phần (theo mệnh giá) | đồng/cp   | 700     | 800     | 114              |
| 6  | Thu nhập bình quân               | Trđ/ng/th | 7,6     | 7,6     | 100              |

## 3. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

### a. Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Hoàn thành thực hiện hợp đồng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn TP. Vĩnh Long năm 2019 với Phòng Quản lý Đô thị TP. Vĩnh Long.

- Hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 mà Đại Hội đồng cổ đông công ty thông qua.

- Quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện năm 2019 đã được cơ quan chủ sở hữu nhà nước (Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long) cho ý kiến.

- Tiến hành xây dựng và hoàn thành các hạng mục bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 03 tại bãi rác Hòa Phú, Long Hồ, với tổng mức đầu tư gần 50 tỷ đồng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước.

- Năm 2019 công ty trang bị thêm 01 xe cuốc phục vụ công tác san ủi rác tại bãi rác Hòa Phú trị giá 0,750 tỷ đồng, sửa chữa lớn các xe chuyên dùng phục vụ công việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt.

- Đã tổ chức nghiệm thu và quyết toán công trình vận hành tốt hệ thống vận hành xử lý nước rỉ rác với giá trị: 9,6 tỷ đồng, hoàn thành việc đắp đê bao xung quanh bãi chôn lấp và nâng cấp cải tạo bờ bao xung quanh hồ sinh học phục vụ dự án xử lý nước rỉ rác 0,2 tỷ đồng.

**b. Công tác tài chính:**

Công ty đã thực hiện kiểm toán kịp thời, chặt chẽ, chính xác. Báo cáo tài chính đã cung cấp đầy đủ các thông tin về hoạt động của công ty. Các khoản công nợ phải thu, phải trả được quản lý đúng các quy định về tài chính kế toán, công bố thông tin báo cáo tài chính theo đúng quy định.

**c. Tình hình chấp hành chính sách, pháp luật:**

- Chấp hành tốt chính sách, pháp luật của Nhà nước về tiền lương, thưởng, các khoản nộp ngân sách nhà nước, các chế độ tài chính, kế toán.

- Thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về chế độ bảo hiểm cho người lao động: BHYT, BHXH, BHTN và bảo hiểm con người trong toàn công ty.

- Thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về lao động và an toàn lao động: hưởng ứng tuần lễ quốc gia về ATVSLĐ & PCCN, tổ chức tập huấn PCCN trong nội bộ đơn vị, trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân lao động, nhằm hạn chế tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Công bố thông tin theo đúng quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.

**d. Chăm lo đời sống người lao động, thực hiện công tác an sinh xã hội:**

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động, quan tâm chăm lo đời sống vật chất lẫn tinh thần cho người lao động, tạo sự gắn bó, an tâm công tác, góp phần đem lại hiệu quả thiết thực cho doanh nghiệp.

- Ngoài việc chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho người lao động, công ty còn trích nguồn kinh phí hoạt động và nguồn quỹ phúc lợi công ty chi ủng hộ công tác an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long và các tỉnh bạn trong năm 2019, với tổng số tiền là 234,5 triệu đồng.

**II. Phương hướng sản xuất kinh doanh năm 2020:**

**1. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2020:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu               | Thực hiện 2019 | Kế hoạch 2020 | (%) |
|----|------------------------|----------------|---------------|-----|
| 1  | Tổng doanh thu         | 76.742         | 77.000        | 100 |
| 2  | Lợi nhuận trước thuế   | 11.150         | 10.000        | 90  |
| 3  | Lợi nhuận sau thuế     | 10.011         | 8.800         | 88  |
| 4  | Nộp ngân sách          | 5.281          | 5.500         | 104 |
| 5  | Cổ tức (%)/vốn điều lệ | 8%             | 7%            | 88  |

| TT | Chỉ tiêu                                   | Thực hiện<br>2019 | Kế hoạch<br>2020 | (%) |
|----|--|-------------------|------------------|-----|
| 6  | Lãi trên cổ phần (theo mệnh giá) (đồng/cp) | 800               | 700              | 88  |
| 7  | Thu nhập bình quân (Trđ/người/tháng)       | 7,6               | 7,7              | 101 |

### III. Giải pháp thực hiện:

#### 1. Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Giao chỉ tiêu kế hoạch khối lượng cho các bộ phận trực tiếp trên cơ sở công ty ký hợp đồng dịch vụ công ích đô thị với Phòng Quản lý Đô thị TP. Vĩnh Long, thực hiện kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo các quy định pháp luật hiện hành.

- Tiếp tục nhận chăm sóc cây kiểng, thăm cỏ, xử lý rác các huyện trong tỉnh, tham gia đấu thầu thu gom vận chuyển rác một số huyện trong tỉnh.

- Xúc tiến các thủ tục và triển khai dự án tại bãi rác Hòa Phú.

- Tiếp tục xử lý nước rỉ rác để hoàn thành đúng thời gian như đã cam kết.

- Chủ động tham gia đấu thầu hoặc nhận thầu thi công công trình chăm sóc, bảo dưỡng cây kiểng, trồng mới thăm cỏ, cây xanh, các công trình hạ tầng kỹ thuật, bảo trì hệ thống đèn chiếu sáng công cộng, dịch vụ xử lý nước thải, xử lý rác thải sinh hoạt các huyện trong tỉnh và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có nhu cầu, tham gia đấu thầu dịch vụ thu gom và vận chuyển rác các huyện trong tỉnh.

#### 2. Nâng cao năng lực hoạt động cho công ty, bao gồm.

##### a. Đầu tư cải tiến, đổi mới thiết bị:

- Chất lượng công tác vệ sinh đô thị, môi trường đô thị trên địa bàn thành phố Vĩnh Long ngày càng được hoàn thiện. Công ty đã thực hiện hoàn chỉnh quy trình thu gom vận chuyển rác bằng các thiết bị chuyên dùng, với 25 chiếc xe chuyên dùng phục vụ cho công tác vệ sinh đô thị, xử lý rác thải, chăm sóc bảo dưỡng công viên cây xanh và vận hành hệ thống đèn chiếu sáng công cộng.

- Tuy nhiên, với thiết bị chuyên dùng hiện chưa đáp ứng kịp thời sự gia tăng khối lượng dịch vụ công ích đô thị. Dự kiến trong năm 2020, công ty trang bị thêm 01 xe bồn tự hành tưới nước hoa kiểng, thăm cỏ, cây xanh và 01 ép rác chuyên dùng thu gom vận chuyển rác, nhằm để tăng cường công tác thu gom cho thành phố Vĩnh Long và phục vụ cho các huyện trong tỉnh (nếu công ty ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển rác một số huyện trong tỉnh).

##### b. Công tác nhân sự:

- Xây dựng đề án tổ chức, rà soát lại nhân sự của các bộ phận, dựa trên mức độ hoàn thành nhiệm vụ và trình độ chuyên môn nghiệp vụ, để bố trí sắp xếp cho phù hợp với từng công việc. Tiếp tục cải tiến các chế độ chính sách về tiền lương, thưởng và các khoản phụ cấp, nhằm tạo động lực cho người lao

động nâng cao năng suất lao động và yên tâm công tác. Xây dựng bộ qui tắc ứng xử trong doanh nghiệp, từng bước xây dựng nét văn hóa riêng biệt trong công ty.

- Tuyển dụng thêm lao động khi có mờ rộng qui mô hoặc địa bàn hoạt động (trong điều kiện lao động hiện có không đủ để đảm nhận).

**c. Đào tạo, nâng cao chất lượng lao động:**

Tiếp tục đào tạo tay nghề, tập huấn về chuyên môn, kỹ thuật, an toàn vệ sinh lao động cho người lao động công ty để họ nắm bắt được quy trình, các biện pháp kỹ thuật, các công nghệ mới, các chính sách pháp luật áp dụng vào sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

**3. Công tác tài chính:**

Thực hiện thu chi đảm bảo phù hợp với Quy chế tài chính; Quy chế chi tiêu nội bộ, tiết kiệm chi phí lễ tân, khánh tiết ..., thực hiện cân đối tài chính phù hợp với nhu cầu thực tế tại công ty.

**4. Công tác công bố thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán:**

Thực hiện công bố thông tin đảm bảo đúng qui định của Luật chứng khoán và các văn bản quy phạm pháp luật. Thông tin được công bố luôn đảm bảo minh bạch, chính xác, kịp thời, nhằm cung cấp cho các cổ đông và các nhà đầu tư tìm hiểu môi trường đầu tư tại công ty được thuận lợi.

**5. Công tác thoái vốn:**

Ban lãnh đạo công ty kết hợp với Ban chỉ đạo thoái vốn nhà nước tại công ty, xúc tiến hoàn thành công tác thoái vốn nhà nước tại công ty trong năm 2018, theo Quyết định số 21/QĐ-UBND, ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Long và các quy định khác theo pháp luật hiện hành.

Kính chúc sức khỏe quý Đại biểu, quý cổ đông tham dự Đại hội.

Trân trọng kính chào./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CB thông tin;
- HĐQT; BKS;
- BDH;
- Lưu VT; Thư ký cty.



**GIÁM ĐỐC**

Ngô Thành Thía



**BÁO CÁO**  
**Về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019**  
**và Kế hoạch hoạt động năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ công ty được sửa đổi bổ sung lần thứ 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/NQ-HĐQT, ngày 29/5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 như sau:

**I. Thông tin chung:**

- Tên giao dịch : Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long.
- Tên Viết tắt : VIPUCO
- Mã cổ phiếu : VLP.
- Vốn điều lệ : 35.362.220.000 đồng (Ba mươi lăm tỷ, ba trăm sáu mươi hai triệu, hai trăm hai mươi ngàn đồng)
- Tổng số lượng cổ phần : 3.536.222 cổ phần, trong đó cơ cấu vốn tại ngày 31/12/2019 là:
  - + Số cổ phần cổ đông là nhà nước chiếm 81,24%, tương ứng với 2.872.822 cổ phần.
  - + Số cổ phần cổ đông là cá nhân chiếm 18,76%, tương ứng với 663.400 cổ phần.

**II. Đánh giá về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị:**

**1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị và tỷ lệ sở hữu cổ phần:**

**a. Số lượng thành viên:** gồm 05 người:

**b. Tỷ lệ sở hữu cổ phần:**

- Ông Đào Thanh Liêm, Chức vụ: Chủ tịch HĐQT, tổng số cổ phần sở hữu là 1.744.493 cổ phần, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 49,33%; trong đó cá nhân sở hữu: 20.800 cổ phần, cổ phần đại diện UBND tỉnh: 1.723.693 cổ phần.

- Ông Ngô Thành Thía, Chức vụ: Thành viên HĐQT, kiêm Giám đốc công ty, tổng số cổ phần sở hữu là 1.171.329 cổ phần, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu

quyết: 33,12%; trong đó cá nhân sở hữu: 22.200 cổ phần, cổ phần đại diện UBND tỉnh là: 1.149.129 cổ phần.

- Bà Lê Thị Thanh Nhân, chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc công ty, tổng số cổ phần sở hữu cá nhân: 21.500 ô phần, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0,6%.

- Ông Nguyễn Văn Thuận, chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc công ty, tổng số cổ phần sở hữu cá nhân: 2.200 ô phần, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0,06%.

- Bà Nguyễn Thị Quý, chức vụ: Thành viên HĐQT. Trưởng phòng Tổ chức Hành chính công ty, tổng số cổ phần sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, tỷ lệ cổ phần có quyền biểu quyết: 0,28%.

#### **c. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:**

- Hội đồng Quản trị trong năm đã tổ chức 21 cuộc họp, có 05/05 thành viên dự họp, tỷ lệ buổi dự họp các thành viên là 100%. Tất cả các cuộc họp đều có sự tham gia của Trưởng Ban kiểm soát công ty và được trao đổi, thảo luận công khai, dân chủ. Các thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát được Chủ tịch HĐQT và Giám đốc thông tin đầy đủ, kịp thời các mặt hoạt động của công ty.

- Hội đồng Quản trị đã phân công nhiệm vụ của từng thành viên theo từng mảng công việc cụ thể, nhằm phát huy tối đa thế mạnh của từng cá nhân để góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức và quản trị công ty. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Giám đốc công ty điều hành quá trình sản xuất kinh doanh và sắp xếp ổn định bộ máy tổ chức;

#### **d. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị:**

| Số Nghị quyết | Ngày, tháng, năm | Nội dung công việc  |
|---------------|------------------|---|
| 01/NQ-HĐQT    | 14/01/2019       | Về việc tạm trích quỹ khen thưởng năm 2018.   |
| 02/NQ-HĐQT    | 26/3/2019        | Về việc mua xe cuộc chuyên dùng   |
| 03/ NQ-HĐQT   | 26/3/2019        | Về việc thống nhất thông qua hợp đồng thi công xây lắp bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 3 tại Bãi rác Hòa phú. |
| 04/ NQ-HĐQT   | 08/4/2019        | Về việc thống nhất hỗ trợ kinh phí tổ chức lễ kỷ niệm 10 năm thành lập Thành phố Vĩnh Long                |
| 05/ NQ-HĐQT   | 28/5/2019        | Thống nhất các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.                                  |
| 06/NQ-HĐQT    | 03/6/2019        | Nghị quyết về việc ủy quyền ký văn bản  |
| 07/NQ-HĐQT    | 03/6/2019        | Về việc thống nhất chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2019  |

|            |            |   |
|------------|------------|---|
| 08/NQ-HĐQT | 03/10/2019 | Về việc thông qua lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 |
| 09/NQ-HĐQT | 28/11/2019 | Về việc tạm trích quỹ khen thưởng năm 2019                              |

### **3. Công tác quản trị của Hội đồng quản trị:**

a. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, pháp luật có liên quan.

b. Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành; giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban điều hành và ban hành các Nghị quyết, Quyết định mang lại hiệu quả kinh tế cho công ty.

c. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc xây dựng và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT;

d. Tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định. Giám sát chặt chẽ công tác quản lý, điều hành cũng như việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

### **4. Công việc giám sát của HĐQT đối với Giám đốc công ty:**

Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019, thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty quy định, nhằm đảm bảo lợi ích cổ đông và người lao động.

a. Giám đốc công ty đã triển khai các biện pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế của công ty, các văn bản của UBND tỉnh và sở ngành; thực hiện điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và đã đạt được các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh cụ thể sau:

- Tổng doanh thu thực hiện trong năm là 76,742 tỷ đồng tăng 110% so với kế hoạch năm là 70 tỷ đồng.

- Lợi nhuận sau thuế trong năm là 10,011 tỷ đồng tăng 124% so với kế hoạch năm là 8,1 tỷ đồng.

- Nộp ngân sách đạt được 5,2 tỷ đồng đạt 88% so với kế hoạch năm là 6 tỷ đồng.

- Cổ tức năm 2019 là 8%, tăng 114% so với kế hoạch năm là 7%.

b. Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các dự án đầu tư tại công ty:

- Giám sát việc xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 3, quy mô đầu tư: 50 tỷ đồng.

- Giám sát dự án xử lý nước rỉ rác tại Bãi rác Hòa Phú, công suất 200m<sup>3</sup>/ngày đêm, vận hành chi phí xử lý nước rỉ rác trong năm 2019 là: 9,6 tỷ đồng và việc đắp đê bao xung quanh bãi chôn lấp và nâng cấp cải tạo bờ bao xung quanh hồ sinh học phục vụ dự án xử lý nước rỉ rác 0,2 tỷ đồng.

- Giám sát việc mua sắm trang thiết bị chuyên dùng xe cuốc, giá trị: 750 triệu đồng.

c. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Giám đốc thực hiện các biện pháp tăng cường

về mặt quản lý và tiết kiệm chi phí, đồng thời quan tâm đến chính sách tiền lương, thưởng và thực hiện tốt các chính sách liên quan đến quyền lợi và lợi ích cho cổ đông của công ty. Qua đó góp phần tăng năng suất lao động, mang lại doanh thu, lợi nhuận và tăng thu nhập cho người lao động.

**5. Báo cáo chi phí tiền lương của người quản lý công ty và Thủ lao ban kiểm soát không chuyên trách, Thư ký công ty:**

**a. Quỹ tiền lương của người quản lý công ty gồm: Thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Trưởng ban kiểm soát: 07 người, với tổng số tiền là: 2,695 tỷ đồng (Hai tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng).**

⇒ Tiền lương bình quân: 32,091 triệu đồng/người/tháng.

**b. Quỹ thù lao Ban kiểm soát hoạt động không chuyên trách: 02 người, tổng số tiền: 72 triệu đồng/năm.**

⇒ Quỹ thù lao bình quân: 3 triệu đồng/ người/tháng.

**c. Quỹ thù lao của Thư ký: 01 người, tổng số tiền: 36 triệu đồng/năm.**

⇒ Quỹ thù lao bình quân: 3 triệu đồng/tháng.

## **II. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020:**

- Thực hiện chức năng quản trị hoạt động công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và chức năng của HĐQT được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật;

- Giám sát Giám đốc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các nghị quyết, quyết định của HĐQT công ty;

- Giám sát Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các dự án: Dự án phủ đỉnh bãi chôn lấp rác hợp vệ sinh số 2; nâng công suất xử lý nước rỉ rác lên 500m<sup>3</sup>/ngày/đêm; các hạng mục xử lý phân bùn, hầm cầu, lò đốt rác sinh hoạt, đắp bờ bao cả trồng cây xanh cách lý Bãi rác Hòa phú...

- Tăng cường công tác quản lý và giám sát chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh để tiết kiệm chi phí hợp lý cho công ty, nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh;

- Tiếp tục củng cố bộ máy tổ chức, nhân sự để bảo vệ quyền lợi của các cổ đông và quan tâm đến thu nhập, điều kiện làm việc của người lao động công ty;

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, đổi mới công nghệ gia tăng sản lượng, nâng cao chất lượng dịch vụ và mở rộng địa bàn phục vụ của công ty;

- Chỉ đạo Ban điều hành mở rộng hoạt động dịch vụ, sản xuất kinh doanh các lĩnh vực then chốt như thu gom vận chuyển rác, chăm sóc công viên cây xanh, vận hành chiếu sáng công cộng xuống địa bàn các huyện trong tỉnh và sang các tỉnh lân cận và phát triển có chiều sâu lĩnh vực công viên cây xanh theo hướng tự cung cấp nguồn cây giống phục vụ cho việc thực hiện nhiệm vụ hợp đồng công ích đô thị trên địa bàn thành phố Vĩnh Long, thi công các công trình; dịch vụ cung cấp cây xanh cho các đối tác;

- Dự kiến trong năm 2020, công ty dự kiến sẽ di dời trụ sở làm việc và các bộ phận trực thuộc của công ty về địa chỉ mới tại đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 8, TP. Vĩnh Long, với diện tích 11.098,9m<sup>2</sup>, thực hiện theo chủ trương của Tỉnh ủy và UBND tỉnh (vị trí trụ sở dự kiến di dời về trực thuộc vị trí cũ của Khu đất quốc phòng của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Vĩnh Long)

- Tiếp tục xúc tiến triển khai thực hiện công tác thoái vốn nhà nước tại công ty theo Quyết định số 21/QĐ-UBND, ngày 04/01/2019 của UBND tỉnh và sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo thoái vốn nhà nước tại công ty.

Thay mặt Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, kính đề nghị Quý cổ đông tham gia đóng góp ý kiến, bổ sung đồng thời quan tâm hỗ trợ, cùng nhau cộng tác, giới thiệu khách hàng, tìm kiếm mở rộng thị trường, phát triển dịch vụ sản xuất kinh doanh, cùng nhau phấn đấu thực hiện thắng lợi mục tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 như đã nêu trên.

Kính chúc sức khỏe quý Đại biểu, quý cổ đông tham dự Đại hội.

Trân trọng kính chào./.

*Nơi nhận:*

- Như trên;
- CB thông tin;
- HDQT;
- BDH;
- BKS;
- Lưu VT; Thư ký cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đào Thanh Liêm**

Số : 02 /BC-BKS-CTCC

Vĩnh Long, ngày 29 tháng 5 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC NĂM 2019  
CỦA BAN KIỂM SOÁT**

**Kính gửi: ĐHĐCĐ Cty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.**

Căn cứ vào Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26/11/2014;  
Căn cứ vào Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, ngày 06/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;  
Căn cứ Điều lệ của Công ty, ngày 06/9/2016 và được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017;

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long về kết quả hoạt động năm 2019 và phương hướng hoạt động năm 2020 như sau:

**I. Công tác hoạt động của ban kiểm soát đối với các hoạt động của công ty năm 2019:**

Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của công ty với những nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, giám sát việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Giám đốc theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của công ty; xem xét tính phù hợp các quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc trong công việc điều hành.

- Thẩm định báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019; đảm bảo tính trung thực và chính xác trong việc ghi, cập nhập chứng từ, sổ sách kế toán; kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động, ... của công ty; kiểm soát chi phí, doanh thu, việc sử dụng vốn trong các tài khoản mục đầu tư của các dự án.

- Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của công ty phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

- Giám sát việc thực thi công bố thông tin của công ty theo các quy định của Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

- Thực hiện nhiệm vụ giám sát, ban kiểm soát đã tham họp tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị, kiểm tra các văn bản nội bộ của Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong quá trình quản trị, điều hành công ty nhằm đảm bảo việc xây dựng các định hướng và chủ trương điều hành công ty tuân thủ pháp luật và phù hợp chủ trương của Đại hội đồng cổ đông. Trong các cuộc họp, ban kiểm soát thông qua ý kiến đóng góp và khuyến nghị với những nội dung về công tác quản trị, công tác

điều hành về mặt tài chính, phương hướng sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư và mọi số công tác khác của công ty.

- Thành viên ban kiểm soát cũng đã tích cực học tập, nghiên cứu tài liệu, văn bản pháp luật để nâng cao nghiệp vụ, nhằm đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ, cập nhật kịp thời các qui định của Nhà nước.

- Nhìn chung, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Giám đốc và các người quản lý khác trong công ty để ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ mà được Đại hội đồng cổ đông giao; đối với cổ đông ban kiểm soát không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của quản trị và điều hành của công ty.

## **II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính công ty:**

### **1. Về giám sát báo cáo về các chế độ chính sách lao động, tiền lương, tiền thưởng của người quản lý và người lao động:**

- Công ty đã thực hiện 100% giao kết ký hợp đồng lao động xác định thời hạn bằng văn bản với người lao động, đồng thời đăng ký tham gia các khoản bảo hiểm (BHXH, BHYT, BHTN) theo đúng các quy định pháp luật hiện hành. Trong năm 2018, công ty thực hiện chi lương, thưởng cho người lao động và người quản lý theo đúng các quy chế trả lương, thưởng của công ty.

- Công ty đã xây dựng quỹ tiền lương, thù lao của người lao động và người quản lý theo đúng với Nghị định số 53/2016/NĐ-CP, ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH, ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

### **2. Về giám sát báo cáo tài chính năm 2019:**

#### **\* Cơ sở giám sát:**

- Báo cáo tài chính năm 2019 của công ty ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.gồm:

- Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B02-DN)
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN)
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN)
- Các tài liệu kế toán khác theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

#### **\* Tiêu chí đã thực hiện:**

Thực hiện giám sát báo cáo tài chính năm 2019 của công ty, các kiểm soát viên đã tiến hành:

- Rà soát việc trình bày của báo cáo tài chính của công ty bảo đảm phù hợp với Chế độ kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính; phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam(VAS) do Bộ Tài chính ban hành.

- Đánh giá việc lựa chọn các chính sách kế toán chủ yếu và tính nhất quán trong việc áp dụng các chính sách kế toán.

- Xem xét việc áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam của công ty và các sai lệch trọng yếu so với chuẩn mực đã được trình bày và giải thích rõ ràng trên báo cáo tài chính.

- Đánh giá tính hợp lý và thận trọng của các đánh giá, các ước tính của công ty trong trình bày báo cáo tài chính (các ước tính này ảnh hưởng đến việc tính toán và ghi nhận các khoản chi phí, doanh thu và thu nhập trong kỳ).

- Rà soát đối chiếu số liệu tổng hợp được trình trên báo cáo tài chính với số liệu chi tiết được hạch toán và theo dõi trên các sổ kế toán chi tiết.

**\* Kết quả giám sát báo cáo tài chính đã kiểm toán:**

Trên cơ sở các tiêu chí đã thực hiện, ban kiểm soát xin báo cáo kết quả giám sát báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2019 như sau:

**- Về các cơ sở pháp lý của báo cáo tài chính:**

+ Hệ thống kế toán, các chính sách kế toán công ty áp dụng trong báo cáo tài chính năm 2019 của công ty là phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

+ Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

+ Các chính sách và phương pháp kế toán được công ty áp dụng nhất quán.

+ Các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B01-DN), Báo cáo kết quả kinh doanh (Mẫu số B02-DN) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B03-DN) được thuyết minh rõ ràng với cơ sở tính toán, số liệu chi tiết đầy đủ trên Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B09-DN). Trên cơ sở kiểm tra, đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết và các thuyết minh trên báo cáo tài chính, cho thấy các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính được xác định hợp lý và phản ánh trung thực tình hình tài chính của công ty.

+ Rà soát các số liệu cùng với kết quả kiểm tra, thẩm định, các kiểm soát viên chưa phát hiện sai lệch mang tính trọng yếu. Các số liệu ghi nhận khi trình bày báo cáo tài chính là hợp lý và thận trọng tại thời điểm ghi nhận số liệu.

**- Các chỉ tiêu tổng hợp của báo cáo tài chính năm 2019:**

**\* Một số chỉ tiêu chính về tài sản và nguồn vốn:**

| TT | Các chỉ tiêu          | ĐVT               | Năm 2019      |
|----|-----------------------|-------------------|---------------|
| 1  | <b>Tổng tài sản</b>   | <b>Triệu đồng</b> | <b>61.808</b> |
| a  | Tài sản ngắn hạn      | Triệu đồng        | 50.576        |
| b  | Tài sản dài hạn       | Triệu đồng        | 10.932        |
| 2  | <b>Tổng nguồn vốn</b> | <b>Tỷ đồng</b>    | <b>61.808</b> |
| a  | Nợ phải trả           | Triệu đồng        | 12.900        |
| b  | Vốn chủ sở hữu        | Triệu đồng        | 48.908        |

**3. Giám sát tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động tài chính của doanh nghiệp:**

Ban điều hành công ty thực hiện tốt và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra. cụ thể:

- Thực hiện khối lượng dịch vụ công ích:

Trong năm 2019, công ty được giao thực hiện 33 hạng mục của khối lượng dịch vụ công ích. So với kế hoạch này, kết quả thực hiện năm 2018 đạt được như



sau: 24/33 hạng mục đạt 100% khối lượng kế hoạch, 09/33 hạng mục đạt từ 90%-99%.

- Kết quả thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:

| TT | Các chỉ tiêu         | Kế hoạch năm 2019 | Thực hiện năm 2019 | (%) |
|----|----------------------|-------------------|--------------------|-----|
| 1  | Vốn Điều lệ          | 35.362            | 35.362             | 100 |
| 2  | Tổng doanh thu       | 70.000            | 76.742             | 110 |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế | 9.200             | 11.151             | 121 |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế   | 8.100             | 10.011             | 124 |
| 5  | Cổ tức (%) dự kiến   | 7%                | 8%                 | 114 |

\* Ghi chú: Cổ tức do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Phân tích một số chỉ tiêu tài chính:

+ Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ so với năm trước tăng 14,5% (76.322 triệu đồng/66.644 triệu đồng).

+ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế so với năm trước tăng 12,3% (11.151 triệu đồng/9.928 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu là 13,1% (10.011 triệu đồng/76.322 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản là 16,2% (10.011 triệu đồng/61.808 triệu đồng).

+ Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu là 20,5% (10.011 triệu đồng/48.908 triệu đồng).

+ Khả năng thanh toán:

▪ Hệ số khả năng thanh toán tổng quát (Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả) là 4,79 lần (61.808 triệu đồng/12.900 triệu đồng).

▪ Hệ số khả năng thanh toán hiện hành (Tổng tài sản ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn) là 3,94 lần (50.876 triệu đồng/12.900 triệu đồng).

▪ Hệ số khả năng thanh toán nhanh là 3,93 lần (Tổng tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/Tổng nợ ngắn hạn là (50.876 triệu đồng – 195 triệu đồng)/12.900 triệu đồng).

+ Hệ số bảo toàn vốn: 1

- Tình hình kinh tế, hiệu quả, hiệu lực trong quản lý, sử dụng ngân sách tiền và tài sản nhà nước:

+ Tính hiệu quả: Qua số liệu trên cho thấy doanh thu và lợi nhuận đều tăng so với năm trước; các chỉ tiêu về khả năng thanh toán đều đảm bảo, giá trị tổng tài sản đủ thanh toán các khoản nợ phải trả; khả năng sinh lời trên vốn cao và được bảo toàn vốn. Công ty hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2019 và hoạt động có hiệu quả.

+ Tính hiệu lực: xét về cơ bản công ty đã tuân thủ các quy định về quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; chấp hành pháp luật về thuế và các khoản thu nộp ngân sách nhà nước. Thực hiện chế độ báo cáo kế toán, thống kê theo đúng quy định.

- Kết quả thực hiện các công trình xây dựng cơ bản:

+ Về trang thiết bị: Năm 2019 công ty trang bị thêm 01 xe cuốc phục vụ công tác san ủi rác tại bãi rác Hòa Phú, sửa chữa lớn các xe chuyên dùng phục vụ công việc thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, với tổng giá trị: 0,750 tỷ đồng. Việc mua sắm trang thiết bị bằng nguồn quỹ đầu tư phát triển công ty và thực hiện theo quy chế hoạt động tài chính của công ty.

+ Thi công bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 3: Năm 2019, triển khai xây dựng bãi chôn lấp hợp vệ sinh số 3 với tổng mức đầu tư giai đoạn 2019-2020: 50 tỷ đồng, tại bãi rác Hòa Phú, Long Hồ, bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. Việc quản lý dự án được thuê đơn vị tư vấn thực hiện theo đúng quy định trong lĩnh vực xây dựng cơ bản do công ty làm chủ đầu tư.

+ Đã tổ chức nghiệm thu và quyết toán công trình vận hành tốt hệ thống vận hành xử lý nước rỉ rác với giá trị: 9,6 tỷ đồng, hàng tháng có các đơn vị, cơ quan chuyên môn của nhà nước giám sát chặt chẽ.

## **II. Báo cáo kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc:**

- Qua quá trình giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị trong công tác quản trị và điều hành của Giám đốc của công ty trong năm 2019. Ban kiểm soát không thấy các vấn đề bất thường trong hoạt động quản trị và điều hành.

- Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc đã phản ánh đầy đủ, trung thực các hoạt động về công tác quản trị và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị nhân danh công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình và sự quản lý điều hành của Giám đốc công ty đã thể hiện sự cẩn trọng cần thiết, hạn chế rủi ro, coi trọng tính hiệu quả đã đưa công ty phát triển đúng hướng trong mục tiêu phát triển chung, luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật nhà nước như Luật doanh nghiệp và tuân thủ đúng Điều lệ công ty.

- Thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2019 theo đúng với kế hoạch mà Nghị quyết Hội đồng quản trị đưa ra.

- Việc chi trả lương cho người quản lý công ty chuyên trách và người lao động, thù lao cho thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký theo đúng định của Quy chế trả lương của công ty và theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất.

- Lãnh đạo công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn:

+ Công ty thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, tài sản, phân phối lợi nhuận, chế độ quản lý tài chính theo đúng các quy định của pháp luật.

+ Công ty mua bảo hiểm tài sản theo đúng các quy định của pháp luật.

+ Công ty không để tồn thất tài sản, không có các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- Giám đốc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc trả lương, thưởng, các chế độ chính

sách và sử dụng các quỹ thực hiện đảm bảo công bằng, minh bạch theo đúng các quy chế đã được phê duyệt.

- Công ty đã thực hiện công bố thông tin theo đúng quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Hiện cổ phiếu VLP đang giao dịch trên sàn chứng khoán UPCoM thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và đang thực hiện quy trình thoái vốn, dự kiến thực thiện xong vào cuối quý 2 năm 2020 theo chủ trương của UBND tỉnh và chỉ đạo của Ban chỉ đạo thoái vốn nhà nước tại công ty.

### **III. Các cuộc họp của ban kiểm soát và kiến nghị của ban kiểm soát:**

Trong năm ban kiểm soát đã tổ chức 02 cuộc họp. Nội dung trao đổi về công tác chuyên môn liên quan đến công việc kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị và Giám đốc công ty. Đồng thời phân công lại các thành viên ban kiểm soát theo chức năng nhiệm vụ. Qua đó Ban kiểm soát đưa ra kiến nghị, đề xuất đến Hội đồng quản trị và ban điều hành công ty (xem kiến nghị phần sau).

### **IV. Thù lao, chi phí hoạt động của thành viên ban kiểm soát:**

1. Chi phí hoạt động: trong năm các kiểm soát không sử dụng chi phí của công ty cho hoạt động của mình.

2. Thù lao của kiểm soát viên không chuyên trách 02 người: 72 triệu đồng. Đối với Trưởng ban kiểm soát không chi thù lao, chỉ nhận lương cho hoạt động chuyên trách của Trưởng ban kiểm soát.

### **V. Kết quả đánh giá sự phối hợp giữa ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông:**

Các thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát và Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ công ty và quy chế quản trị nội bộ của công ty.

### **VI. Đánh giá kết quả hoạt động của ban kiểm soát trong năm 2019:**

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ban Kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ Hội đồng quản trị, Giám đốc cùng các thành viên ban điều hành, các phòng nghiệp vụ và toàn thể người lao động của công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long. Ban kiểm soát tự nhận xét là đã hoàn thành nhiệm vụ năm 2019 theo chức năng, nhiệm vụ được ghi trong Điều lệ của công ty và được Đại hội đồng cổ đông giao, cụ thể:

#### **1. Ông Phạm Công Hiền – Trưởng ban kiểm soát (hoạt động chuyên trách):**

a. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị trong công tác quản trị, Giám đốc trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty theo nghị quyết, quyết định, quy chế của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

b. Giám sát hoạt động tài chính, thẩm định báo cáo tài chính của công ty và kết quả trích lập các quỹ, chia cổ tức hàng năm của công ty.

c. Kiểm tra, kiểm soát việc xây dựng phương án lương của công ty theo văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

d. Kiểm soát hiệu quả việc thực hiện các thủ tục, quy trình các dự án đầu tư và quyết toán vốn đầu tư.

e. Kiểm tra công tác ký kết thực hiện các hợp đồng và các giao dịch theo đúng các quy định pháp luật hiện hành.

f. Giám sát việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh và thanh toán khối lượng dịch vụ công ích đô thị trên địa bàn thành phố Vĩnh Long.

g. Kiểm tra tính hợp lý các chứng từ kế toán, sổ sách kế toán của công ty tuân thủ theo các quy định của Luật kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán.

h. Kiểm tra việc công bố thông tin của công ty trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.

i. Thực hiện đầy đủ quyền hạn và nghĩa vụ của ban kiểm soát quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ của công ty và các văn bản khác theo quy định của pháp luật.

## **2. Ông Lương Minh Triết – Thành viên Ban Kiểm soát (hoạt động không chuyên trách):**

a. Kiểm soát thực hiện các chế độ, chính sách, pháp luật của nhà nước của công ty đối với người lao động và các công việc có liên quan đến công tác tài chính kế toán của công ty.

b. Kiểm soát việc tuân thủ quy định về công bố thông tin của công ty theo quy định của pháp luật.

c. Kiểm tra tính hợp lý các chứng từ kế toán, sổ sách kế toán của công ty tuân thủ theo các quy định của Luật Kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán.

d. Kiểm tra các công việc khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

## **3. Ông Trương Tấn Đạt – Thành viên Ban Kiểm soát (hoạt động không chuyên trách):**

a. Kiểm tra việc thanh quyết toán khối lượng dịch vụ công ích đô thị hàng tháng, quý, năm của công ty trên địa bàn thành phố Vĩnh Long.

b. Kiểm tra tính hợp lý các chứng từ kế toán, sổ sách kế toán của công ty tuân thủ theo các quy định của Luật Kế toán, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán.

c. Kiểm tra các công việc khác theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

## **VII. Kế hoạch chương trình công tác năm 2020 của ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty và các văn pháp luật hiện hành. Cụ thể:

1. Ban kiểm soát sẽ tập trung thực hiện cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, kế hoạch, đầu tư của công ty.

2. Giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

3. Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

## **VIII. Kiến nghị các giải pháp quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty và những vướng mắc, khó khăn của công ty trong năm 2019 và định hướng năm 2020:**

1. Ban kiểm soát kính đề nghị Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty sớm hoàn hiện các thủ tục cần thiết thực hiện thanh lý theo nội dung hợp đồng xử lý rác thải bằng công nghệ cao mà hai bên đã ký kết với Công ty cổ phần Phương Thảo.

Trường hợp khó khăn vướng mắc kính đề nghị người đại diện phần vốn nhà nước báo cáo cơ quan đại diện phần vốn nhà nước xin ý kiến theo quy định.

2. Công ty sớm xây dựng đề án tái cơ cấu lại bộ máy tổ chức công ty, xây dựng trả lương theo vị trí việc làm cho các bộ phận trực thuộc công ty. Qua đó, giúp bộ máy công ty gọn nhẹ, hoạt động hiệu quả hơn, góp phần làm tăng năng suất lao động và cải thiện thu nhập của người lao động.

3. Ban kiểm soát kính đề nghị Hội đồng quản trị, Giám đốc sớm báo cáo và kiến nghị các sở ngành chuyên môn tham mưu UBND tỉnh ban hành Bộ đơn giá chuyên ngành đô thị tỉnh Vĩnh Long để công ty có cơ sở áp dụng xây dựng đơn giá dịch vụ sự nghiệp công trên địa bàn thành phố Vĩnh Long.

Trên đây là báo cáo về kết quả hoạt động năm 2019 của ban kiểm soát Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định./.

Kính chúc quý đại biểu và quý cổ đông và gia đình thật nhiều sức khỏe.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng kính chào!.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Cơ quan đại diện phần vốn NN (b/c);
- Sở Tài chính VL(theo dõi);
- HDQT;BKS;
- BDH;
- Lưu KSV,VT; TK công ty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Phạm Công Hiến**

Số: 01/TT- HĐQT-CTCC

Vinh Long, ngày 29 tháng 5 năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp, ngày 26 tháng 11 năm 2014;  
Căn cứ Điều lệ công ty, ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/NQ-HĐQT, ngày 29/5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

(Tài liệu kèm theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2019)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- BDH;
- Lưu VT, Thư ký cty

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Đào Thanh Liêm**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG  
CỘNG VĨNH LONG**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019



1141 1 0 7 0 1 1 1 1

## MỤC LỤC

|                                      | Trang  |
|--------------------------------------|--------|
| BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ        | 1 – 3  |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP            | 4      |
| BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  |        |
| Bảng cân đối kế toán                 | 5 – 6  |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 7      |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ           | 8      |
| Thuyết minh báo cáo tài chính        | 9 – 26 |



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Số 86, Đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Công Trình Công Cộng Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### 1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Công Trình Công Cộng Vĩnh Long là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công Trình Công Cộng Vĩnh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp, và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 07 tháng 07 năm 2017.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam
- Điện thoại : (0270) 3 822 729
- Fax : (0270) 3 831 283

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là :

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vật tư chuyên ngành;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Sửa chữa nâng cấp đường giao thông nội thị theo qui hoạch, xây dựng quản lý điểm đỗ xe trong đô thị. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống,... );
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu nghĩa địa, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng. Xây dựng các công trình: thủy lợi, đường dây và trạm biến điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình: công nghiệp, thủy lợi;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Duy trì và chăm sóc thảm cỏ, cây trang trí, cây bóng mát (công viên, khuôn viên, quảng trường, vòng xoay, dải phân cách, vỉa hè, tiểu đảo, các khu dân cư, khu di tích ...).

### 2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

#### Hội đồng quản trị

| Họ và tên             | Chức vụ    |
|-----------------------|------------|
| Ông Đào Thanh Liêm    | Chủ tịch   |
| Ông Ngô Thành Thía    | Thành viên |
| Ông Lê Thị Thanh Nhân | Thành viên |
| Ông Nguyễn Thị Quí    | Thành viên |
| Ông Nguyễn Văn Thuận  | Thành viên |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**  
Số 86, Đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Ban kiểm soát**

| Họ và tên            | Chức vụ    |
|----------------------|------------|
| Ông Phạm Công Hiến   | Trưởng ban |
| Ông Trương Tấn Đạt   | Thành viên |
| Ông Lương Minh Triết | Thành viên |

**Ban Giám đốc**

| Họ và tên            | Chức vụ      |
|----------------------|--------------|
| Ông Ngô Thành Thía   | Giám đốc     |
| Bà Lê Thị Thanh Nhân | Phó Giám đốc |
| Ông Nguyễn Văn Thuận | Phó Giám đốc |

**Đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Đào Thanh Liêm, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

**3. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

**4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

**5. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty.

**6. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

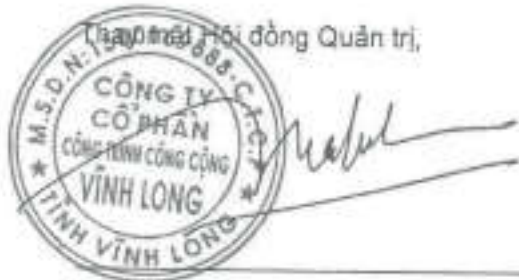
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 88, Đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vinh Long, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**7. Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**ĐÀO THANH LIÊM**  
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Vinh Long, ngày 07 tháng 03 năm 2020



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam  
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế  
Member firm of PKF International



Accountants &  
business advisers

Số: 254/2020/BCKT-HCM.00992

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công Trình Công Cộng Vĩnh Long**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công Trình Công Cộng Vĩnh Long (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 07 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Trình Công Cộng Vĩnh Long tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRANG ĐÀO NHA  
Giữ Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2020

NGUYỄN THỊ THANH MINH  
Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG

Số 85, đường 3/2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2019<br>VND     | 01/01/2019<br>VND     |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>TÀI SẢN</b>                                   |            |             |                       |                       |
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                          | <b>100</b> |             | <b>50.875.963.772</b> | <b>43.059.347.799</b> |
| Tiền và các khoản tương đương tiền               | 110        | 5.1         | 9.216.857.847         | 9.668.923.749         |
| Tiền   | 111        |             | 9.216.857.847         | 9.668.923.749         |
| Các khoản tương đương tiền                       | 112        |             | -                     | -                     |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn                        | 120        |             | -                     | -                     |
| Chứng khoán kinh doanh                           | 121        |             | -                     | -                     |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh         | 122        |             | -                     | -                     |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn                  | 123        |             | -                     | -                     |
| Các khoản phải thu ngắn hạn                      | 130        |             | 40.668.412.067        | 31.971.313.985        |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng                 | 131        | 5.2         | 39.280.325.960        | 30.906.892.501        |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn                 | 132        | 5.3         | 794.853.150           | 212.860.284           |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn                         | 133        |             | -                     | -                     |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134        |             | -                     | -                     |
| Phải thu về cho vay ngắn hạn                     | 135        |             | -                     | -                     |
| Phải thu ngắn hạn khác                           | 136        | 5.4         | 593.232.957           | 851.561.200           |
| Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi               | 137        |             | -                     | -                     |
| Tài sản thiếu chờ xử lý                          | 139        |             | -                     | -                     |
| Hàng tồn kho                                     | 140        |             | 195.062.999           | 191.376.592           |
| Hàng tồn kho                                     | 141        | 5.5         | 195.062.999           | 191.376.592           |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho                   | 149        |             | -                     | -                     |
| Tài sản ngắn hạn khác                            | 150        |             | 795.630.859           | 1.227.733.473         |
| Chi phí trả trước ngắn hạn                       | 151        | 5.6.1       | 70.320.381            | 68.251.596            |
| Thuế GTGT được khấu trừ                          | 152        |             | -                     | -                     |
| Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước         | 153        | 5.9         | 725.310.478           | 1.159.481.877         |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 154        |             | -                     | -                     |
| Tài sản ngắn hạn khác                            | 155        |             | -                     | -                     |
| <b>TÀI SẢN</b>                                   |            |             |                       |                       |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                           | <b>200</b> |             | <b>10.932.408.952</b> | <b>13.474.849.462</b> |
| Tài sản cố định                                  | 220        |             | 7.796.509.353         | 9.874.734.137         |
| Tài sản cố định hữu hình                         | 221        | 5.7         | 7.796.509.353         | 9.874.734.137         |
| Nguyên giá                                       | 222        |             | 27.373.712.227        | 26.464.621.318        |
| Giá trị hao mòn lũy kế                           | 223        |             | (19.577.202.874)      | (16.589.887.181)      |
| Tài sản dài hạn khác                             | 260        |             | 3.135.900.599         | 3.600.115.325         |
| Chi phí trả trước dài hạn                        | 261        | 5.6.2       | 3.135.900.599         | 3.600.115.325         |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại                   | 262        |             | -                     | -                     |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn      | 263        |             | -                     | -                     |
| Tài sản dài hạn khác                             | 268        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                         | <b>270</b> |             | <b>61.808.373.724</b> | <b>56.534.197.261</b> |

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Số 86, đường 3/2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vinh Long, Việt Nam

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

|  | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2019<br>VND     | 01/01/2019<br>VND     |
|--|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                 |            |             |                       |                       |
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>                               | <b>300</b> |             | <b>12.900.038.578</b> | <b>9.773.370.386</b>  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>                               | <b>310</b> |             | <b>12.900.038.578</b> | <b>9.773.370.386</b>  |
| Phải trả người bán ngắn hạn                      | 311        | 5.8         | 92.901.164            | 232.465.025           |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn                | 312        |             | -                     | -                     |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước              | 313        | 5.9         | 1.416.018.252         | 1.078.409.914         |
| Phải trả người lao động                          | 314        |             | 4.971.329.930         | 6.907.811.362         |
| Chi phí phải trả ngắn hạn                        | 315        | 5.10        | 560.550.000           | 65.815.208            |
| Phải trả nội bộ ngắn hạn                         | 316        |             | -                     | -                     |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317        |             | -                     | -                     |
| Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                | 318        |             | -                     | -                     |
| Phải trả ngắn hạn khác                           | 319        | 5.11        | 3.109.483.539         | 120.980.932           |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                | 320        |             | -                     | -                     |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn                       | 321        |             | -                     | -                     |
| Quỹ khen thưởng và phúc lợi                      | 322        | 5.12        | 2.749.755.693         | 1.367.887.945         |
| Quỹ bình ổn giá                                  | 323        |             | -                     | -                     |
| Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ       | 324        |             | -                     | -                     |
| <b>NGUỒN VỐN</b>                                 |            |             |                       |                       |
| <b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                            | <b>400</b> |             | <b>48.908.335.146</b> | <b>46.760.826.875</b> |
| <b>Vốn chủ sở hữu</b>                            | <b>410</b> | 5.13        | <b>49.113.022.133</b> | <b>45.872.023.939</b> |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu                        | 411        |             | 35.362.220.000        | 35.362.220.000        |
| Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết           | 411a       |             | 35.362.220.000        | 35.362.220.000        |
| Quỹ đầu tư phát triển                            | 418        |             | 4.948.866.155         | 3.225.928.399         |
| Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp                  | 419        |             | -                     | -                     |
| Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu                    | 420        |             | -                     | -                     |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                | 421        |             | 8.801.935.978         | 7.283.875.540         |
| LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước    | 421a       |             | 490.805.484           | 159.383.796           |
| LNST chưa phân phối năm nay                      | 421b       |             | 8.311.130.494         | 7.124.491.744         |
| Nguồn vốn đầu tư XDCB                            | 422        |             | -                     | -                     |
| <b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                | <b>430</b> |             | <b>(204.686.987)</b>  | <b>888.802.936</b>    |
| Nguồn kinh phí                                   | 431        |             | (204.686.987)         | 888.802.936           |
| Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ                | 432        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                       | <b>440</b> |             | <b>61.898.373.724</b> | <b>56.534.197.261</b> |

*Trần Mỹ Hằng*

TRẦN MỸ HẰNG  
Người lập biểu

*Trần Thị Kim Dung*

TRẦN THỊ KIM DUNG  
Kế toán trưởng



*Ngô Thành Thiá*

NGÔ THÀNH THÁ  
Tổng Giám đốc

Vinh Long, ngày 07 tháng 03 năm 2020 6

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Số 86, đường 3/2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vinh Long, Việt Nam

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

|   | Mã số     | Thuyết minh | 2019<br>VND           | 2018<br>VND           |
|---|-----------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 01        |             | 79.181.401.572        | 76.472.661.420        |
| Các khoản giảm trừ doanh thu                    | 02        |             | 2.859.331.901         | 9.828.292.800         |
| <b>Doanh thu thuần</b>                          | <b>10</b> | <b>6.1</b>  | <b>76.322.069.671</b> | <b>66.644.368.620</b> |
| Giá vốn hàng bán                                | 11        | 6.2         | 52.068.714.956        | 44.023.787.963        |
| <b>Lợi nhuận gộp</b>                            | <b>20</b> |             | <b>24.253.354.715</b> | <b>22.620.580.657</b> |
| Doanh thu hoạt động tài chính                   | 21        | 6.3         | 22.575.315            | 21.583.023            |
| Chi phí tài chính                               | 22        |             | -                     | -                     |
| <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>                | 23        |             | -                     | -                     |
| Chi phí bán hàng                                | 24        |             | -                     | -                     |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 25        | 6.4         | 13.329.978.815        | 12.609.204.857        |
| <b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>        | <b>30</b> |             | <b>10.945.951.215</b> | <b>10.032.958.823</b> |
| Thu nhập khác                                   | 31        | 6.5         | 397.656.320           | 223.901.019           |
| Chi phí khác                                    | 32        | 6.6         | 192.680.228           | 329.105.113           |
| <b>Lợi nhuận khác</b>                           | <b>40</b> |             | <b>204.976.092</b>    | <b>(105.204.094)</b>  |
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>        | <b>50</b> |             | <b>11.150.927.307</b> | <b>9.927.754.729</b>  |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành    | 51        | 5.9         | 1.139.796.813         | 851.295.544           |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại     | 52        |             | -                     | -                     |
| <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> | <b>60</b> |             | <b>10.011.130.494</b> | <b>9.076.459.185</b>  |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 70        | 6.7         | 2.350                 | 1.650                 |



TRẦN MỸ HẰNG  
Người lập biểu



TRẦN THỊ KIM DUNG  
Kế toán trưởng



NGÔ THÀNH THÍA  
Tổng Giám đốc

Vinh Long, ngày 07 tháng 03 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Số 86, đường 3/2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

|   | Mã số     | 2019<br>VND            | 2018<br>VND            |
|---|-----------|------------------------|------------------------|
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD</b>                       |           |                        |                        |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác       | 01        | 87.808.014.801         | 73.077.904.755         |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ            | 02        | (86.853.608.759)       | (20.221.671.253)       |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động                                | 03        | (35.284.096.393)       | (31.619.022.781)       |
| 4. Tiền lãi vay đã trả  | 04        | -                      | -                      |
| 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                              | 05        | (705.625.414)          | (2.090.000.000)        |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                          | 06        | 52.539.690.710         | 30.637.037.327         |
| 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                         | 07        | (14.267.483.653)       | (40.161.151.318)       |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh</b>    | <b>20</b> | <b>3.236.891.292</b>   | <b>9.623.096.730</b>   |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>                     |           |                        |                        |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | 21        | (909.090.909)          | (1.866.986.000)        |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác           | 23        | -                      | -                      |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                        | 25        | -                      | -                      |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác                    | 26        | -                      | -                      |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia            | 27        | 22.575.315             | 21.583.023             |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                  | <b>30</b> | <b>(886.515.594)</b>   | <b>(1.778.130.250)</b> |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>                  |           |                        |                        |
| 3. Tiền thu từ đi vay   | 33        | -                      | -                      |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay  | 34        | -                      | -                      |
| 5. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính                             | 35        | -                      | -                      |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                        | 36        | (2.802.441.600)        | -                      |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>               | <b>40</b> | <b>(2.802.441.600)</b> | <b>-</b>               |
| <b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>                             | <b>50</b> | <b>(452.065.902)</b>   | <b>7.844.966.480</b>   |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ</b>                            | <b>60</b> | <b>9.668.923.749</b>   | <b>1.823.957.269</b>   |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ           | 61        | -                      | -                      |
| <b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b>                           | <b>70</b> | <b>9.216.857.847</b>   | <b>9.668.923.749</b>   |

*Trần Mỹ Hằng*

TRẦN MỸ HẰNG  
Người lập biểu

*Trần Thị Kim Dung*

TRẦN THỊ KIM DUNG  
Kế toán trưởng



*Ngô Thành Thía*  
NGÔ THÀNH THÍA  
Giám đốc

Vĩnh Long, ngày 07 tháng 03 năm 2020



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vinh Long, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

#### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công Trình Công Cộng Vinh Long là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH MTV Công Trình Công Cộng Vinh Long (doanh nghiệp 100% vốn nhà nước). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1500169888 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vinh Long cấp, và đăng ký thay đổi lần 3 ngày 07 tháng 07 năm 2017.

##### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là thương mại, dịch vụ.

##### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom rác thải không độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Thu gom rác thải độc hại. Chi tiết: Thu gom, vận chuyển rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải sinh hoạt, rác công nghiệp;
- Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại. Chi tiết: Lưu giữ và xử lý rác thải nguy hại, rác thải y tế;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Dịch vụ mua bán vật tư chuyên ngành;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Sửa chữa nâng cấp đường giao thông nội thị theo qui hoạch, xây dựng quản lý điểm đỗ xe trong đô thị. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường, cống,...);
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng quản lý, sửa chữa các công trình văn hóa, phúc lợi công cộng, vỉa hè, hệ thống cấp, thoát nước, điện chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh đô thị. Khu nghĩa địa, hỏa táng, công tác vệ sinh được đảm bảo vận chuyển xử lý rác, xây dựng hệ thống vệ sinh công cộng. Xây dựng các công trình: thủy lợi, đường dây và trạm biến điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình: công nghiệp, thủy lợi;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan. Chi tiết: Duy trì và chăm sóc thảm cỏ, cây trang trí, cây bóng mát (công viên, khuôn viên, quảng trường, vòng xoay, dải phân cách, vỉa hè, tiểu đảo, các khu dân cư, khu di tích ...).

##### 1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### 1.5 Cấu trúc của Công ty

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

| STT | Tên đơn vị                   | Địa chỉ  | Hoạt động kinh doanh chính   |
|-----|------------------------------|--|--|
| 1)  | Xí nghiệp Công viên Cây xanh | Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long | Dịch vụ chăm sóc bảo dưỡng cây xanh, thăm cổ, hoa kiểng trong công viên, khuôn viên và ngoài công cộng |
| 2)  | Xí nghiệp Vệ sinh môi trường | Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long | Thu gom vận chuyển, xử lý chất thải  |

#### 1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

#### 1.7 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tổng số nhân viên của Công ty là 264 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 258 người).

## 2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Việt Nam của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### **4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.3 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### **4.4 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

#### 4.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 02 năm.

##### *Giá trị lợi thế thương mại*

Giá trị lợi thế thương mại do đánh giá lại khi cổ phần hóa doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

#### 4.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

##### Loại tài sản cố định

Nhà cửa, vật kiến trúc

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

##### Số năm

05-10 năm

05-10 năm

#### 4.7 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### 4.8 Tiền lương

Tiền lương phân bổ vào chi phí trong năm được căn cứ vào Quỹ tiền lương kế hoạch của năm 2019 được xác định theo Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 06 năm 2016 của Chính phủ Quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 của Bộ lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

### 4.9 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Khoản dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng trợ cấp thôi việc.

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên đối với thời gian không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp khi họ chấm dứt hợp đồng lao động. Dự phòng trợ cấp thôi việc được trích lập với mức bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương tối thiểu vùng theo Nghị định 153/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2016 x Hệ số chức danh, công việc.

Tăng, giảm số dư dự phòng trợ cấp thôi việc cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 4.10 Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### 4.11 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

### 4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phản công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phản công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**4.13 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

**Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

**4.14 Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

**Công ty/ đối tượng**

Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long  
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc

**Quan hệ**

Đại diện vốn nhà nước  
Thành viên chủ chốt

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

|                                 | 31/12/2019<br>VND    | 01/01/2019<br>VND    |
|---------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền mặt                        | 364.793.614          | 194.498.393          |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 8.852.064.233        | 9.474.425.356        |
|                                 | <u>9.216.857.847</u> | <u>9.668.923.749</u> |

**5.2 Phải thu ngắn hạn khách hàng**

|                                     | 31/12/2019<br>VND     | 01/01/2019<br>VND     |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Phải thu các bên liên quan</i>   |                       |                       |
| Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long  | 31.243.316.931        | 25.809.128.360        |
| <i>Phải thu các khách hàng khác</i> |                       |                       |
| Công ty TNHH MTV XD Sơn Trung Thành | 1.017.027.000         | 1.138.945.000         |
| Phòng công thương huyện Long Hồ     | -                     | 1.384.300.800         |
| Ban Quản lý Di tích Tỉnh Vĩnh Long  | -                     | 948.365.500           |
| DNTN Quang Vinh (Bình Tân)          | 1.088.623.000         | 370.308.000           |
| Phòng TN&MT Huyện Long Hồ           | 1.477.035.000         | -                     |
| Bà Huỳnh Thị Trà Mi                 | 1.169.372.192         | -                     |
| Phòng QLĐT Thị xã Bình Minh         | 706.434.430           | 460.390.000           |
| Bảo tàng Tỉnh Vĩnh Long             | 970.805.500           | -                     |
| Các khách hàng khác                 | 1.607.711.907         | 795.454.841           |
|                                     | <u>39.280.325.960</u> | <u>30.906.892.501</u> |

**5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

|                                     | 31/12/2019<br>VND  | 01/01/2019<br>VND  |
|-------------------------------------|--------------------|--------------------|
| <i>Trả trước cho người bán khác</i> |                    |                    |
| DNTN Trọng Tín                      | 48.207.000         | 48.207.000         |
| Nguyễn Văn Dũng                     | -                  | 23.812.000         |
| Hộ kinh doanh Quang                 | 472.726.000        | -                  |
| Công ty CP TV XD và TM Tín Đức      | 136.125.000        | -                  |
| Các nhà cung cấp khác               | 137.795.150        | 140.841.284        |
|                                     | <u>794.853.150</u> | <u>212.860.284</u> |

**5.4 Phải thu ngắn hạn khác**

|   | 31/12/2019         |                 | 01/01/2019         |                 |
|---|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|   | Giá trị<br>VND     | Dự phòng<br>VND | Giá trị<br>VND     | Dự phòng<br>VND |
| <i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i> |                    |                 |                    |                 |
| Phải thu người lao động (thuế TNCN)         | 40.000.000         | -               | 100.492.256        | -               |
| Phải thu cổ phần hoá                        | 277.358.074        | -               | -                  | -               |
| Tạm ứng                                     | 37.732.953         | -               | 744.500.000        | -               |
| Phải thu về chi hộ                          | 291.533.619        | -               | -                  | -               |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác            | 753.817            | -               | 6.568.944          | -               |
|   | <u>647.378.463</u> | <u>-</u>        | <u>851.561.200</u> | <u>-</u>        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.5 Hàng tồn kho**

|                                     | 31/12/2019         |                 | 01/01/2019         |                 |
|-------------------------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
|                                     | Giá gốc<br>VND     | Dự phòng<br>VND | Giá gốc<br>VND     | Dự phòng<br>VND |
| Nguyên liệu, vật liệu               | 41.924.499         | -               | 22.478.092         | -               |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 153.138.500        | -               | 168.898.500        | -               |
|                                     | <b>195.062.999</b> | <b>-</b>        | <b>191.376.592</b> | <b>-</b>        |

**5.6 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn****5.6.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

|                  | 31/12/2019<br>VND | 01/01/2019<br>VND |
|------------------|-------------------|-------------------|
| Chi phí bảo hiểm | 70.320.381        | 68.251.596        |
|                  | <b>70.320.381</b> | <b>68.251.596</b> |

**5.6.2 Chi phí trả trước dài hạn**

|                            | 31/12/2019<br>VND    | 01/01/2019<br>VND    |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Giá trị lợi thế kinh doanh | 2.952.608.092        | 3.390.031.516        |
| Chi phí sửa chữa           | 183.292.507          | 161.960.000          |
| Công cụ dụng cụ            | -                    | 48.123.809           |
|                            | <b>3.135.900.599</b> | <b>3.600.115.325</b> |

**5.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

|  | Nhà cửa,<br>vật kiến trúc<br>VND | Phương<br>tiện vận tải<br>VND | Cộng<br>VND           |
|--|----------------------------------|-------------------------------|-----------------------|
| <b>Nguyên giá</b>  |                                  |                               |                       |
| Tại ngày 01/01/2019  | 3.123.268.664                    | 23.341.352.654                | 26.464.621.318        |
| Mua trong năm  | -                                | 909.090.909                   | 909.090.909           |
| Tại ngày 31/12/2019  | <b>3.123.268.664</b>             | <b>24.250.443.563</b>         | <b>27.373.712.227</b> |
| <b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>  |                                  |                               |                       |
| Tại ngày 01/01/2019  | 2.488.604.816                    | 14.101.282.365                | 16.589.887.181        |
| Khấu hao trong năm   | 229.939.404                      | 2.757.376.289                 | 2.987.315.693         |
| Tại ngày 31/12/2019  | <b>2.718.544.220</b>             | <b>16.858.658.654</b>         | <b>19.577.202.874</b> |
| <b>Giá trị còn lại</b>   |                                  |                               |                       |
| Tại ngày 01/01/2019  | 634.663.848                      | 9.240.070.289                 | 9.874.734.137         |
| Tại ngày 31/12/2019  | <b>404.724.444</b>               | <b>7.391.784.909</b>          | <b>7.796.509.353</b>  |
| Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: |                                  |                               |                       |
| Vào ngày 01/01/2019  | 143.380.400                      | 1.151.263.328                 | 1.294.643.728         |
| Vào ngày 31/12/2019  | <b>1.666.928.604</b>             | <b>6.337.263.328</b>          | <b>8.004.191.932</b>  |



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.8 Phải trả người bán ngắn hạn**

|                                       | 31/12/2019<br>VND | 01/01/2019<br>VND  |
|---------------------------------------|-------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i> |                   |                    |
| DNTN Phi Hùng                         | -                 | 64.095.000         |
| Các nhà cung cấp khác                 | 92.901.164        | 168.370.025        |
|                                       | <u>92.901.164</u> | <u>232.465.025</u> |

**5.9 Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp nhà nước**

|                             | 01/01/2019           |                        | Số phát sinh trong năm |                        | 31/12/2019           |                      |
|-----------------------------|----------------------|------------------------|------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|
|                             | Phải nộp<br>VND      | Phải thu<br>VND        | Số phải nộp<br>VND     | Số đã nộp<br>VND       | Phải nộp<br>VND      | Phải thu<br>VND      |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa  | 1.031.540.325        | -                      | 4.590.739.550          | (4.217.161.623)        | 1.405.118.252        | -                    |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp  | -                    | (1.159.481.877)        | 1.139.796.813          | (705.525.414)          | -                    | (725.310.478)        |
| Thuế thu nhập cá nhân       | 46.869.589           | -                      | 87.816.669             | (123.786.258)          | 10.900.000           | -                    |
| Thuế nhà đất, tiền thuê đất | -                    | -                      | 231.502.218            | (231.502.218)          | -                    | -                    |
| Các loại thuế khác          | -                    | -                      | 3.000.000              | (3.000.000)            | -                    | -                    |
|                             | <u>1.078.409.914</u> | <u>(1.159.481.877)</u> | <u>6.052.855.250</u>   | <u>(5.281.075.513)</u> | <u>1.416.018.252</u> | <u>(725.310.478)</u> |

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 10%.

*Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")*

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Theo các quy định thuế hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty được miễn thuế TNDN 4 năm tính từ năm 2017 và giảm 50% thuế TNDN cho 5 năm tiếp theo đối với thu nhập dịch vụ môi trường.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

|  | Năm 2019<br>VND       | Năm 2018<br>VND      |
|--|-----------------------|----------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>   | <b>11.150.927.307</b> | <b>9.927.754.729</b> |
| Các khoản điều chỉnh tăng, (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: |                       |                      |
| Các khoản điều chỉnh tăng  | 653.027.673           | 69.109.749           |
| Các khoản điều chỉnh giảm  | (319.473.282)         | -                    |
| <b>Thu nhập chịu thuế</b>  | <b>11.484.481.698</b> | <b>9.996.864.478</b> |
| Thu nhập được miễn thuế  | 5.997.693.813         | 5.740.386.759        |
| Thu nhập chịu thuế 20%   | 5.486.787.885         | 4.256.477.719        |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp   | 20%                   | 20%                  |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>   | <b>1.097.357.577</b>  | <b>851.295.544</b>   |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước   | 42.439.236            | -                    |
| <b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>  | <b>1.139.796.813</b>  | <b>851.295.544</b>   |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.10 Chi phí phải trả ngắn hạn**

|   | 31/12/2019<br>VND  | 01/01/2019<br>VND |
|---|--------------------|-------------------|
| <i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>   |                    |                   |
| Trích trước chi phí phụ cấp độc hại   | -                  | 52.215.208        |
| Trích trước chi phí trang trí khuôn viên Tỉnh Ủy  | -                  | 13.600.000        |
| Trích trước chi phí của công trình Thay mới<br>chữ cổng chào xã Tân Ngãi, Công viên tượng<br>đài chiến thắng Mậu Thân | 106.800.000        | -                 |
| Trích trước chi phí trang trí đường hoa tết   | 453.750.000        | -                 |
|   | <u>560.550.000</u> | <u>65.815.208</u> |

**5.11 Phải trả ngắn hạn khác**

|  | 31/12/2019<br>VND    | 01/01/2019<br>VND  |
|--|----------------------|--------------------|
| <i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i> |                      |                    |
| Xí nghiệp Công Viên Cây Xanh               | 752.663.544          | -                  |
| Xí nghiệp Vệ Sinh Môi Trường               | 2.116.365.000        | -                  |
| Xưởng Cơ khí                               | 90.169.054           | -                  |
| Phải trả về chi hộ                         | 108.667.599          | -                  |
| Phải trả về cổ phần hóa                    | -                    | 67.358.074         |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn              | 39.600.000           | 30.000.000         |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác           | 2.018.342            | 23.622.858         |
|  | <u>3.109.483.539</u> | <u>120.980.932</u> |

**5.12 Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

|                              | 01/01/2019<br>VND    | Trích quỹ<br>trong năm<br>VND | Tăng khác<br>VND | Chi quỹ<br>trong năm<br>VND | 31/12/2019<br>VND    |
|------------------------------|----------------------|-------------------------------|------------------|-----------------------------|----------------------|
| Quỹ khen thưởng,<br>phúc lợi | 1.267.887.945        | 3.491.842.200                 | 3.614.000        | (2.213.588.452)             | 2.549.755.693        |
| Quỹ thưởng Ban<br>điều hành  | 100.000.000          | 449.312.500                   | -                | (349.312.500)               | 200.000.000          |
|                              | <u>1.367.887.945</u> | <u>3.941.154.700</u>          | <u>3.614.000</u> | <u>(2.562.900.952)</u>      | <u>2.749.755.693</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

**5.13 Vốn chủ sở hữu ("VCSH")****5.12.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

|  | Vốn đầu tư<br>của CSH<br>VND | Quỹ đầu tư<br>phát triển<br>VND | Lợi nhuận<br>chưa phân phối<br>VND | Cộng<br>VND           |
|--|------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-----------------------|
| <b>Năm 2018</b>  |                              |                                 |                                    |                       |
| Tại ngày 01/01/2018  | 35.362.220.000               | 450.727.624                     | 5.100.803.101                      | 40.913.750.725        |
| Lãi trong năm  | -                            | -                               | 9.076.459.185                      | 9.076.459.185         |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa<br>phân phối năm 2017                            | -                            | -                               | (2.828.977.600)                    | (2.828.977.600)       |
| Chia cổ tức từ quỹ đầu tư phát<br>triển  | -                            | 1.775.200.775                   | (1.775.200.775)                    | -                     |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  | -                            | -                               | (130.240.930)                      | (130.240.930)         |
| Trích quỹ khen thưởng ban điều<br>hành   | -                            | -                               | (207.000.000)                      | (207.000.000)         |
| Tạm trích quỹ đầu tư phát triển từ<br>lợi nhuận chưa phân phối năm<br>2018     | -                            | 1.000.000.000                   | (1.000.000.000)                    | -                     |
| Tạm trích quỹ khen thưởng phúc<br>lợi từ lợi nhuận chưa phân phối<br>năm 2018  | -                            | -                               | (900.000.000)                      | (900.000.000)         |
| Tạm trích khen thưởng ban điều<br>hành từ lợi nhuận chưa phân phối<br>năm 2018 | -                            | -                               | (100.000.000)                      | (100.000.000)         |
| Tăng khác  | -                            | -                               | 48.032.559                         | 48.032.559            |
| Tại ngày 31/12/2018  | <b>35.362.220.000</b>        | <b>3.225.928.399</b>            | <b>7.283.875.540</b>               | <b>45.872.023.939</b> |
| <b>Năm 2019</b>  |                              |                                 |                                    |                       |
| Tại ngày 01/01/2019  | 35.362.220.000               | 3.225.928.399                   | 7.283.875.540                      | 45.872.023.939        |
| Lãi trong năm  | -                            | -                               | 10.011.130.494                     | 10.011.130.494        |
| Chia cổ tức từ lợi nhuận chưa<br>phân phối năm 2018                            | -                            | -                               | (2.828.977.600)                    | (2.828.977.600)       |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  | -                            | -                               | (1.991.842.200)                    | (1.991.842.200)       |
| Trích quỹ khen thưởng ban điều<br>hành   | -                            | -                               | (249.312.500)                      | (249.312.500)         |
| Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi<br>nhuận chưa phân phối năm 2018            | -                            | 1.722.937.756                   | (1.722.937.756)                    | -                     |
| Tạm trích quỹ khen thưởng phúc<br>lợi từ lợi nhuận chưa phân phối<br>năm 2019  | -                            | -                               | (1.500.000.000)                    | (1.500.000.000)       |
| Tạm trích khen thưởng ban điều<br>hành từ lợi nhuận chưa phân phối<br>năm 2019 | -                            | -                               | (200.000.000)                      | (200.000.000)         |
| Tại ngày 31/12/2019  | <b>35.362.220.000</b>        | <b>4.948.866.155</b>            | <b>8.801.935.978</b>               | <b>49.113.022.133</b> |

**5.12.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

| Cổ đông                  | 31/12/2019            |               | 01/01/2019            |               |
|--------------------------|-----------------------|---------------|-----------------------|---------------|
|                          | VND                   | Tỷ lệ (%)     | VND                   | Tỷ lệ (%)     |
| Cổ đông nhà nước         | 28.728.220.000        | 81,24         | 28.728.220.000        | 81,24         |
| Các cổ đông cá nhân khác | 6.634.000.000         | 18,76         | 6.634.000.000         | 18,76         |
|                          | <b>35.362.220.000</b> | <b>100,00</b> | <b>35.362.220.000</b> | <b>100,00</b> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.12.3 Cổ phiếu**

|  | 31/12/2019 | 01/01/2019 |
|--|------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 3.536.222  | 3.536.222  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.536.222  | 3.536.222  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 3.536.222  | 3.536.222  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -          | -          |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | -          | -          |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 3.536.222  | 3.536.222  |
| - Cổ phiếu phổ thông                   | 3.536.222  | 3.536.222  |
| - Cổ phiếu ưu đãi                      | -          | -          |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần.

**5.12.4 Phân phối lợi nhuận**

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2019 số 01/NQ.ĐHĐCĐ-CTCC ngày 26 tháng 06 năm 2019 như sau:

|  | VND           |
|--|---------------|
| • Chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2018 :                         | 2.828.977.600 |
| • Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2018           | 2.722.937.756 |
| Trong đó   |               |
| - Tạm trích trong năm tài chính 2018   | 1.000.000.000 |
| - Trích bổ sung trong năm tài chính 2019   | 1.722.937.756 |
| • Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2018 :     | 2.891.842.200 |
| Trong đó   |               |
| - Tạm trích trong năm tài chính 2018   | 900.000.000   |
| - Trích bổ sung trong năm tài chính 2019 :   | 1.991.842.200 |
| • Trích quỹ khen thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến 31/12/2018 : | 349.312.500   |
| Trong đó   |               |
| - Tạm trích trong năm tài chính 2018   | 100.000.000   |
| - Trích bổ sung trong năm tài chính 2019 :   | 249.312.500   |

Ngoài ra, Công ty cũng tạm trích quỹ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019 với số tiền 1.700.000.000 VND đã được Hội đồng quản trị thông qua.

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

|                              | Năm 2019<br>VND       | Năm 2018<br>VND       |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Doanh thu cung cấp dịch vụ   | 79.181.401.572        | 76.472.661.420        |
| Các khoản giảm trừ doanh thu |                       |                       |
| + Giảm giá hàng bán          | (2.859.331.901)       | (9.828.292.800)       |
|                              | <u>76.322.069.671</u> | <u>66.644.368.620</u> |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

| 6.2 | Giá vốn hàng bán                                    | Năm 2019<br>VND       | Năm 2018<br>VND       |
|-----|---|-----------------------|-----------------------|
|     | Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp                     | 52.068.714.956        | 44.023.787.963        |
|     |   | <b>52.068.714.956</b> | <b>44.023.787.963</b> |
| 6.3 | Doanh thu hoạt động tài chính                       | Năm 2019<br>VND       | Năm 2018<br>VND       |
|     | Lãi tiền gửi  | 22.575.315            | 21.583.023            |
|     |   | <b>22.575.315</b>     | <b>21.583.023</b>     |
| 6.4 | Chi phí quản lý doanh nghiệp                        | Năm 2019<br>VND       | Năm 2018<br>VND       |
|     | Chi phí nhân viên                                   | 9.735.623.602         | 9.739.256.866         |
|     | Chi phí đồ dùng văn phòng                           | 139.939.432           | 135.686.574           |
|     | Chi phí khấu hao tài sản cố định                    | 243.463.392           | 174.204.021           |
|     | Thuế, phí và lệ phí                                 | 234.502.218           | 57.680.865            |
|     | Chi phí quản lý doanh nghiệp khác                   | 2.976.450.171         | 2.502.396.531         |
|     |   | <b>13.329.978.815</b> | <b>12.609.204.857</b> |
| 6.5 | Thu nhập khác                                       | Năm 2019<br>VND       | Năm 2018<br>VND       |
|     | Thu tiền di dời cây xanh                            | 88.275.663            | 46.152.704            |
|     | Thu khắc phục tai nạn giao thông                    | 106.618.636           | -                     |
|     | Thu tiền bán phế liệu                               | 83.556.364            | -                     |
|     | Thu nhập khác                                       | 119.205.657           | 177.748.315           |
|     |   | <b>397.656.320</b>    | <b>223.901.019</b>    |
| 6.6 | Chi phí khác  | Năm 2019<br>VND       | Năm 2018<br>VND       |
|     | Lỗ từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định          | -                     | 216.439.780           |
|     | <i>Thu từ thanh lý tài sản cố định</i>              | -                     | 67.272.727            |
|     | <i>Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý</i> | -                     | 283.712.507           |
|     | Chi nộp phạt thuế, truy nộp thuế, nộp phạt khác     | 11.143                | 26.739                |
|     | Phạt vi phạm hành chính                             | 6.000.000             | -                     |
|     | Chi bồi thường khắc phục tai nạn giao thông         | 105.371.767           | -                     |
|     | Chi phí khác  | 80.297.318            | 112.638.594           |
|     |   | <b>192.680.228</b>    | <b>329.105.113</b>    |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

|  | Năm 2019        | Năm 2018        |
|--|-----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp   | 10.011.130.494  | 9.076.459.185   |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông: |                 |                 |
| - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi  | (1.500.000.000) | (2.891.842.200) |
| - Trích quỹ khen thưởng ban điều hành  | (200.000.000)   | (349.312.500)   |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu  | 8.311.130.494   | 5.835.304.485   |
| Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)  | 3.536.222       | 3.536.222       |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>   | <b>2.350</b>    | <b>1.650</b>    |

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

|  | Năm 2019         | Năm 2018         |
|--|------------------|------------------|
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm             | 3.536.222        | 3.536.222        |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại             | -                | -                |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm      | -                | -                |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | <b>3.536.222</b> | <b>3.536.222</b> |

**6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

|                                  | Năm 2019<br>VND       | Năm 2018<br>VND       |
|----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu    | 9.180.728.186         | 6.852.287.238         |
| Chi phí nhân công                | 44.194.764.960        | 38.739.393.190        |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 2.987.315.693         | 2.582.406.752         |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài        | 3.124.870.113         | 2.975.808.735         |
| Chi phí khác                     | 5.895.254.819         | 5.443.946.905         |
|                                  | <b>65.382.933.771</b> | <b>56.593.842.820</b> |

**7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### ***I. Rủi ro thị trường***

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

#### ***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

#### ***Rủi ro về giá cổ phiếu***

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

### ***II. Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình như tiền gửi ngân hàng.

#### ***Phải thu khách hàng***

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

#### ***Tiền gửi ngân hàng***

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

### ***iii. Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vinh Long, Tỉnh Vinh Long, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

|                                   |                      |                | VND                  |
|-----------------------------------|----------------------|----------------|----------------------|
|                                   | Dưới 1 năm           | Từ 1 đến 5 năm | Tổng cộng            |
| <b>Ngày 31 tháng 12 năm 2019</b>  |                      |                |                      |
| Phải trả người bán                | 92.901.164           |                | 92.901.164           |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 3.109.483.539        | -              | 3.109.483.539        |
| Chi phí phải trả                  | 560.550.000          | -              | 560.550.000          |
|                                   | <b>3.762.934.703</b> | <b>-</b>       | <b>3.762.934.703</b> |
| <b>Ngày 01 tháng 01 năm 2019</b>  |                      |                |                      |
| Phải trả người bán                | 232.465.025          |                | 232.465.025          |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 120.980.932          | -              | 120.980.932          |
| Chi phí phải trả                  | 65.815.208           | -              | 65.815.208           |
|                                   | <b>419.261.165</b>   | <b>-</b>       | <b>419.261.165</b>   |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2019.

**iv. Giá trị hợp lý****(1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

|                                    | Giá trị ghi sổ            |                           | Giá trị hợp lý            |                           |
|------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
|                                    | Ngày 31 tháng 12 năm 2019 | Ngày 01 tháng 01 năm 2019 | Ngày 31 tháng 12 năm 2019 | Ngày 01 tháng 01 năm 2019 |
| <b>Tài sản tài chính</b>           |                           |                           |                           |                           |
| Các khoản phải thu                 |                           |                           |                           |                           |
| Phải thu khách hàng                | 39.280.325.960            | 30.906.892.501            | 39.280.325.960            | 30.906.892.501            |
| Các khoản phải thu khác            | 647.378.463               | 851.561.200               | 647.378.463               | 851.561.200               |
| Tài sản tài chính sẵn sàng để bán  |                           |                           |                           |                           |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.216.857.847             | 9.668.923.749             | 9.216.857.847             | 9.668.923.749             |
| <b>Tổng cộng</b>                   | <b>49.144.562.270</b>     | <b>41.427.377.450</b>     | <b>49.144.562.270</b>     | <b>41.427.377.450</b>     |

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

|                    |                      |                    |                      |                    |
|--------------------|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| Phải trả người bán | 92.901.164           | 232.465.025        | 92.901.164           | 232.465.025        |
| Chi phí phải trả   | 3.109.483.539        | 65.815.208         | 3.109.483.539        | 65.815.208         |
| Phải trả khác      | 560.550.000          | 120.980.932        | 560.550.000          | 120.980.932        |
| <b>Tổng cộng</b>   | <b>3.762.934.703</b> | <b>419.261.165</b> | <b>3.762.934.703</b> | <b>419.261.165</b> |

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 01 tháng 01 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này không có chênh lệch trong yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### (2) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

#### **Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác**

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, không bao gồm các khoản phải thu và phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng, được ước tính theo giá trị hiện tại của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày báo cáo. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

#### **Các công cụ phái sinh**

Giá trị hợp lý của các hợp đồng giao dịch kỳ hạn được căn cứ trên giá niêm yết trên thị trường, nếu có. Nếu không có giá niêm yết trên thị trường, giá trị hợp lý được tính bằng cách chiết khấu giá trị chênh lệch giữa giá kỳ hạn theo hợp đồng và giá kỳ hạn hiện hành đối với thời gian đáo hạn còn lại của hợp đồng theo lãi suất không chứa đựng rủi ro được điều chỉnh cho rủi ro tín dụng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Giá trị hợp lý của các hợp đồng hoán đổi lãi suất được căn cứ trên giá người môi giới. Các mức giá này được kiểm tra tính hợp lý bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến trong tương lai theo các điều khoản và thời gian đáo hạn của từng hợp đồng và sử dụng lãi suất thị trường áp dụng cho công cụ tương tự tại ngày xác định giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý phản ánh rủi ro tín dụng của công cụ và bao gồm các điều chỉnh để tính đến rủi ro tín dụng của Công ty và đối tác khi phù hợp. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

#### **Nợ phải trả tài chính phi phái sinh**

Giá trị hợp lý, xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin, được tính dựa trên giá trị hiện tại của dòng tiền tương lai trả gốc và lãi, được chiết khấu theo lãi suất thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Đối với cầu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham chiếu các khoản nợ phải trả tương tự không có quyền lựa chọn chuyển đổi. Đối với các khoản nợ thuê tài chính, lãi suất thị trường được xác định bằng cách tham khảo các hợp đồng thuê tương tự.

## 8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

### 7.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 7.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt:*

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

Số 86 đường 3 tháng 2, Phường 1, Thành phố Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

|  | Năm 2019<br>VND | Năm 2018<br>VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Thù lao và tiền lương HĐQT, BGD và BKS | 2.252.591.177   | 2.473.000.000   |

**7.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác***Giao dịch với các bên liên quan khác*

Công ty không phát sinh giao dịch trọng yếu với công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty liên doanh, liên kết như sau:

|  | Năm 2019<br>VND | Năm 2018<br>VND |
|--|-----------------|-----------------|
| Phòng quản lý đô thị TP. Vĩnh Long<br>- Cung cấp dịch vụ | 62.689.641.866  | 56.044.703.513  |

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.2.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

**7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



**TRẦN MỸ HẰNG**  
Người lập biểu



**TRẦN THỊ KIM DUNG**  
Kế toán trưởng



**NGÔ THÀNH THÍA**  
Giám đốc  
Vĩnh Long, ngày 07 tháng 03 năm 2020

Số: 02 /TTr-HĐQT-CTCC

Vinh Long, ngày 29 tháng 5 năm 2020

### TỜ TRÌNH

#### VỀ VIỆC THÔNG QUA KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Căn cứ Luật doanh nghiệp, ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ công ty được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 02 /NQ- HĐQT, ngày 29/5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, như sau:

**\* Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:**

Đơn vị tính: Triệu đồng

| TT | Chỉ tiêu   | Tỷ lệ trích dự kiến | Năm 2020 |
|----|--|---------------------|----------|
| 1  | Vốn điều lệ  |                     | 35.362   |
| 2  | Doanh thu  |                     | 77.000   |
| 3  | Lợi nhuận trước thuế   |                     | 10.000   |
| 4  | Lợi nhuận sau thuế   |                     | 8.800    |
| 5  | Nộp ngân sách  |                     | 5.500    |
| 6  | Trích Quỹ đầu tư phát triển  | 30%                 | 2.640    |
| 7  | Cổ tức dự kiến (%)/vốn điều lệ   | 7%                  | 2.475    |
| 8  | Quỹ khen thưởng, phúc lợi<br>(Đảm bảo không vượt quá 3 tháng tiền lương bình quân của NLĐ và tùy thuộc vào kết quả sản xuất kinh doanh)                | 30%                 | 2.640    |
| 9  | Quỹ thưởng người quản lý<br>(Dự kiến 5%, có thể lớn hơn hoặc nhỏ hơn 5% nhưng đảm bảo không vượt quá 1,5 tháng tiền lương bình quân của người quản lý. | 5%                  | 440      |
| 10 | Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối năm trước   |                     | 528      |
| 11 | Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối năm nay   | 5%                  | 605      |

| TT | Chi tiêu                                 | Tỷ lệ trích dự kiến | Năm 2020 |
|----|--|---------------------|----------|
| 12 | Thu nhập bình quân (Tr.đồng/người/tháng) |                     | 7,7      |

\* Ghi chú: Chi tiêu doanh thu đang áp dụng đơn giá theo Quyết định số 01/2009/QĐ-UBND, ngày 16/01/2009 và Quyết định số 15/2014/QĐ-UBND, ngày 07/8/2014 của UBND tỉnh Vĩnh Long và chưa được điều chỉnh theo đơn giá dịch vụ sự nghiệp công năm 2020. Do các sở ngành đang thẩm định đơn giá và dự toán dịch vụ sự nghiệp công năm 2020.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- BDH;
- Lưu VT, Thư ký cty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH.**



**Đào Thanh Liêm**

Số: 03 /TTr-HĐQT-CTCC

Vinh Long, ngày 29 tháng 5 năm 2020

### TỜ TRÌNH

Về việc thông qua mức thù lao của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách và Thư ký công ty năm 2020.

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp, ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ công ty, ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017.

Căn cứ vào Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT, ngày 29/5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua mức thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách và Thư ký công ty năm 2020 như sau:

1. Thành viên HĐQT không chuyên trách (nếu có): 3.000.000 đồng/người/tháng.
2. Thành viên Ban Kiểm soát không chuyên trách: 3.000.000 đồng/người/tháng.
3. Thư ký công ty : 3.000.000 đồng/người/tháng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- BDH;
- Lưu VT, Thư ký cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH /



Đào Thanh Liêm

### TỜ TRÌNH

Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận,  
trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2014;  
Căn cứ Điều lệ công ty ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày  
28/6/2017.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/NQ-HĐQT, ngày 29/5/2020 của Hội đồng  
quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long, về việc thống nhất các  
nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2019.

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm  
2020 thông qua phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức  
năm 2019 như sau:

#### 1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN còn lại chưa phân phối năm 2018: 490.803.837  
đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019: 10.011.130.494 đồng.

#### 2. Trích quỹ đầu tư phát triển:

- Kế hoạch ĐHCĐ dự kiến trích 30% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trong năm trích 30% lợi nhuận sau thuế TNDN  
năm 2019:  $10.011.130.494 \text{ đồng} \times 30\% = 3.003.339.148 \text{ đồng}$ .

#### 3. Trả cổ tức:

- Kế hoạch ĐHCĐ dự kiến trả cổ tức là 7%/vốn điều lệ.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trong năm là trả cổ tức 8%/vốn điều lệ, cụ thể:  
 $35.362.220.000 \text{ đồng} \times 8\% = 2.828.977.600 \text{ đồng}$ .
- Nguồn chi trả cổ tức 2019 là từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018  
và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, cụ thể:  
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN còn lại chưa phân phối năm 2018: 490.803.837  
đồng

- + Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019: 2.338.173.763 đồng.
- Hình thức chi trả: tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời điểm chi trả là 6 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020.

**4. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động:**

- Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua tỷ lệ trích 30% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không được vượt quá 3 tháng tiền lương bình quân của người lao động.
- HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ trích tỷ lệ 38%, bằng 1,5 tháng lương tiền bình quân thực hiện của người lao động là 3.804.096.375 đồng.

**5. Trích quỹ thưởng người quản lý công ty:**

- Kế hoạch ĐHĐCĐ thông qua tỷ lệ trích 5% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không được vượt quá 1,5 tháng tiền lương thực hiện bình quân của người quản lý.
- HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ tỷ lệ trích 3,37% (bằng 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý) là 336.959.994 đồng.

**6. Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối:**

- Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối năm 2019: 528.561.214 đồng chuyển sang năm tiếp theo.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.  
Trân trọng kính chào./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- BDH;
- Lưu VT, Thư ký công ty.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



*Handwritten signature of Đào Thanh Liêm*

**Đào Thanh Liêm**

Số: 05/TTr-HĐQT-CTCC

Vinh Long, ngày 29 tháng 5 năm 2020

**TỜ TRÌNH**  
**Về việc thông qua việc lựa chọn**  
**đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Căn cứ Luật doanh nghiệp, ngày 26 tháng 11 năm 2014;  
Căn cứ Điều lệ công ty, ngày 06/9/2016, được sửa đổi, bổ sung lần 1 ngày 28/6/2017.

Căn cứ vào Nghị quyết số: 02/NQ-HĐQT, ngày 29/5/2020 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long, về việc thống nhất các nội dung của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị sau làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 của công ty:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.  
Địa chỉ: 137, Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.  
Tel: (0292) 3765999
2. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIỆT NAM  
Địa chỉ: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội..  
Tel: (84-24) 37832121; Fax: (84-24) 37832122  
(Chi nhánh, số 201-203 đường Cách mạng Tháng tám, phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh).
3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.  
Địa chỉ: Văn Phòng Chính, Tầng 2, Tòa nhà Indochina; Số 4 Nguyễn Đình Chiểu, Lầu 2, Phường. Đakao, Quận 1, Hồ Chí Minh  
Tel: +84-(08)-2220 0237, Fax: +84-(08)- 2220 0265

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.  
Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- BKS;
- BDH;
- Lưu VT, Thư ký công ty.





Số: /BB-DHĐCĐ

Vĩnh Long, ngày 25 tháng 6 năm 2020

**DỰ THẢO**

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VĨNH LONG**

- Tên công ty: Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.
- Tên viết tắt: VIPUCO
- Mã chứng khoán: VLP
- Thời gian: 7 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 6 năm 2020 (Thứ năm).
- Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long, Số 86, đường 3 tháng 2, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long

**\* Thành phần tham dự:**

- Cổ đông của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.
- Khách mời tham dự Đại hội:

**PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP**

**1. Báo cáo Kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu:**

**1. Nhân sự Ban Kiểm tra tư cách cổ đông:**

- Bà: Đinh Thị Quỳnh Như - Phó Phòng TC-HC - Trưởng Ban
- Bà: Lê Thị Tuyết Nga - Giám đốc XN Công viên Cây xanh - Thành viên
- Ông: Trương Tấn Đạt - Nhân viên XN Vệ sinh môi trường - Thành viên

**2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông:**

- Người báo cáo: Bà Đinh Thị Quỳnh Như, Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông.

- Nội dung báo cáo:

+ Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ Cổ đông sở hữu 3.536.222 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long theo danh sách chốt đến 16 giờ ngày 05/6/2020.

+ Hôm nay, vào lúc ..... giờ ngày 25/6/2020, Cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội: ... đại biểu, đại diện cho .... cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm ....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.

+ Theo kết quả kiểm tra nêu trên, các Cổ đông và người được ủy quyền tham dự Đại hội đã đại diện trên 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, đảm bảo đủ

điều kiện để tiến hành phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

## **II. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Ban thư ký Đại hội, Ban kiểm phiếu:**

### **1. Đoàn Chủ tọa thành phần như sau:**

- Ông: Đào Thanh Liêm, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa Đại hội
  - Ông: Ngô Thành Thía, Thành viên HĐQT, Giám đốc - Thành viên
  - Bà: Lê Thị Thanh Nhân, Thành viên HĐQT, Phó Giám đốc - Thành viên
- Đại hội nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa với tỷ lệ đồng ý là 100%.

### **2. Ban Thư ký Đại hội: Thành phần như sau:**

- Bà: Đặng Thị Ngọc Chân, Phó phòng TC-HC kiêm Thư ký HĐQT-Trưởng Ban Thư ký Đại hội.
  - Bà: Phạm Minh Thùy, Phó Phòng KH - KT- KD – Thành viên.
- Đại hội nhất trí thông qua danh sách Ban Thư ký Đại hội với tỷ lệ đồng ý là 100%.

### **3. Ban Kiểm phiếu:**

- Ông: Nguyễn Khắc Yên Đan, Trưởng Phòng KH-KT-KD - Trưởng ban.
- Ông: Trần Khắc Duy, PGĐ XN Công viên Cây xanh - Thành viên.
- Bà: Trần Mỹ Hằng, Phó Phòng Kế toán – Tài vụ - Thành viên.
- Ông: Huỳnh Hữu Vinh, Nhân viên Phòng TC- HC -Thành viên.
- Ông: Trần Việt Trung, PGĐ. XN VSMT -Thành viên.

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Ban Kiểm phiếu với tỷ lệ đồng ý là 100%.

## **III. Thông qua Quy chế làm việc Đại hội; Chương trình Đại hội:**

### **1. Trình bày Quy chế làm việc Đại hội:**

Bà Lê Thị Thanh Nhân, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc công ty trình bày Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và xin ý kiến của Đại hội.

Đại hội nhất trí thông qua Quy chế với tỷ lệ đồng ý là 100%.

### **2. Thông qua Chương trình Đại hội:**

Ông Đào Thanh Liêm, Chủ tịch Hội đồng quản trị giới thiệu Chương trình Đại hội gồm: 03 báo cáo và 05 Tờ trình và xin ý kiến Đại hội.

Đại hội nhất trí thông qua Chương trình Đại hội với tỷ lệ đồng ý là 100%.

## **PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI**

### **I. Đại hội nghe trình bày nội dung Báo cáo và Tờ trình:**

1. Ông Ngô Thành Thía, Thành viên Hội đồng Quản trị, Giám đốc công ty, trình bày Báo cáo Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

2. Ông Đào Thanh Liêm, Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và Phương hướng năm 2020.

3. Ông Phạm Công Hiền, Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và Phương hướng năm 2020.

4. Bà Lê Thị Thanh Nhân, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc công ty trình bày Tờ trình về việc thông qua báo cáo tài chính năm 2019.

5. Ông Ngô Thành Thía, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trình bày Tờ trình về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020.

6. Ông Đào Thanh Liêm, Chủ tịch Hội đồng quản trị, trình bày Tờ trình thông qua mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Thư ký Hội đồng quản trị năm 2020.

7. Ông Ngô Thành Thía, Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trình bày Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích các quỹ công ty năm 2019.

8. Bà Lê Thị Thanh Nhân, Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Giám đốc công ty trình bày Tờ trình về việc lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

### PHẦN III: Ý KIẾN CỔ ĐÔNG

1. Cổ đông:..... Ý kiến: :...

Trả lời:...

2. Cổ đông:... Ý kiến:....

Trả lời:

3...

### PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

**1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:**

**1.1. Kết quả hoạt động năm 2019**

- Tổng doanh thu : 76.742.301.306 đồng

- Lợi nhuận trước thuế : 11.150.927.307 đồng

**1.2. Kế hoạch năm 2020:**

- Tổng doanh thu: : 77.000.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế : 10.000.000.000 đồng

**\* Phần biểu quyết:**

- Tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- Không ý kiến: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019 và Phương hướng năm 2020.**

**\* Phần biểu quyết:**

- Tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- Không ý kiến: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019 và Phương hướng năm 2020.**

**\* Phần biểu quyết:**

- Tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- Không ý kiến: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**4. Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2019.**

- Theo nội dung Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

**\* Phần biểu quyết:**

- Tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- Không ý kiến: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

**5. Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:**

- Tổng doanh thu: 77.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 10.000.000.000 đồng
- Dự kiến lãi cơ bản trên cổ phần (theo mệnh giá): 700 đồng/cổ phiếu.
- Dự kiến cổ tức (%): 7 %/cổ phần (theo mệnh giá).

**\* Phần biểu quyết:**

- Tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- Không ý kiến: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

**6. Thông qua Tờ trình mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Thư ký Công ty năm 2020:**

- Thành viên HĐQT không chuyên trách: 3.000.000đồng/người/tháng
- Thành viên BKS không chuyên trách: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký Hội đồng quản trị: 3.000.000đồng/người/tháng.

**\* Phần biểu quyết:**

- Tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

- Không ý kiến: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp

## **7. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích các quỹ công ty năm 2019:**

### **7.1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN còn lại chưa phân phối năm 2018: 490.803.837 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019: 10.011.130.494 đồng.

### **7.2. Trích quỹ đầu tư phát triển:**

- Kế hoạch ĐHCĐ dự kiến trích 30% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trong năm trích 30% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019:  $10.011.130.494 \text{ đồng} \times 30\% = 3.003.339.148 \text{ đồng}$ .

### **7.3. Trả cổ tức :**

- Kế hoạch ĐHCĐ dự kiến trả cổ tức là 7%/vốn điều lệ.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trong năm là trả cổ tức 8%/vốn điều lệ, cụ thể:  $35.362.220.000 \text{ đồng} \times 8\% = 2.828.977.600 \text{ đồng}$ .
- Nguồn chi trả cổ tức 2019 là từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, cụ thể:
  - + Lợi nhuận sau thuế TNDN còn lại chưa phân phối năm 2018: 490.803.837 đồng
  - + Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019: 2.338.173.763 đồng.
- Hình thức chi trả: tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời điểm chi trả là 6 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2020.

### **7.4. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động:**

- Kế hoạch ĐHCĐ thông qua tỷ lệ trích 30% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không được vượt quá 3 tháng tiền lương bình quân của người lao động.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trích tỷ lệ 38%, bằng 1,5 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động là 3.804.096.375 đồng.

### **7.5. Trích quỹ thưởng người quản lý công ty:**

- Kế hoạch ĐHCĐ thông qua tỷ lệ trích 5% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không được vượt quá 1,5 tháng tiền lương thực hiện bình quân của người quản lý.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ tỷ lệ trích 3,37% (bằng 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý) là 336.959.994 đồng.

### **7.6. Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối:**

- Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối năm 2019: 528.561.214 đồng chuyển sang năm tiếp theo.

### **\* Phân biểu quyết:**

- Tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp
- Không ý kiến: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

## **8. Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính của công ty năm 2020:**

Thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020, gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.
- Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIET NAM.
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị sau làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

**\* Phân biểu quyết:**

- Tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không tán thành: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.
- Không ý kiến: cổ phần, chiếm % số cổ phần có quyền biểu quyết dự họp.

## **PHẦN IV. THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI**

### **1. Trình bày biên bản và nghị quyết Đại hội:**

Bà Đặng Thị Ngọc Chân – Trưởng Ban Thư ký Đại hội đọc Biên bản Đại hội.  
Ông Đào Thanh Liêm – Chủ tịch Hội đồng quản trị thông qua Nghị quyết Đại hội.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, với .....% số phiếu tán thành.

### **2. Phát biểu bế mạc Đại hội:**

Vào lúc .... giờ cùng ngày, Ông Đào Thanh Liêm – Chủ tọa đoàn đã tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

Biên bản ngày được lập thành 06 bản và được lưu tại Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

**TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI  
TRƯỞNG BAN**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA – CHỦ TỊCH HĐQT**

**Đặng Thị Ngọc Chân**

**Đào Thanh Liêm**

Số: /NQ-DHĐCĐ-CTCC

Vinh Long, ngày 25 tháng 6 năm 2020

Dự thảo

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2020**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG VINH LONG**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long ngày 06/9/2016, sửa đổi lần thứ 1 ngày 28/6/2017;

Căn cứ Biên bản số:...../BBĐHĐCĐ-CTCC, ngày 25/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vinh Long;

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019**

**1.1. Kết quả hoạt động năm 2019**

- Tổng doanh thu : 76.742.301.306 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 11.150.927.307 đồng

**2. Kế hoạch năm 2020:**

- Tổng doanh thu: : 77.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế : 10.000.000.000 đồng

*Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua ...cổ phần với tỷ lệ ....% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**Điều 2. Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019.**

*Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua ...cổ phần với tỷ lệ ....% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2019.**

*Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua ...cổ phần với tỷ lệ ....% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**Điều 4. Thông qua Tờ trình báo cáo tài chính năm 2019.**

Theo nội dung Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán.

*Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua ...cổ phần với tỷ lệ ....% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**Điều 5. Thông qua Tờ trình kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020:**

- Tổng doanh thu: 77.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 10.000.000.000 đồng
- Dự kiến lãi cơ bản trên cổ phần (theo mệnh giá): 700 đồng/cổ phần
- Dự kiến cổ tức (%): 7%/cp (theo mệnh giá).

*Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua ...cổ phần với tỷ lệ ....% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**Điều 6. Thông qua Tờ trình mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách, thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Thư ký công ty năm 2019:**

-Thành viên Hội đồng quản trị không chuyên trách: 3.000.000đồng/người/tháng

- Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách: 3.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký Hội đồng quản trị: 3.000.000đồng/người/tháng.

*Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua ...cổ phần với tỷ lệ ....% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**Điều 7. Thông qua Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích các quỹ công ty năm 2019.**

**7.1. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:**

- Lợi nhuận sau thuế TNDN còn lại chưa phân phối năm 2018: 490.803.837 đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019: 10.011.130.494 đồng.

**7.2. Trích quỹ đầu tư phát triển:**

- Kế hoạch ĐHCĐ dự kiến trích 30% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trong năm trích 30% lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019:  $10.011.130.494 \text{ đồng} \times 30\% = 3.003.339.148 \text{ đồng}$ .

**7.3. Trả cổ tức :**

- Kế hoạch ĐHCĐ dự kiến trả cổ tức là 7%/vốn điều lệ.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trong năm là trả cổ tức 8%/vốn điều lệ, cụ thể:  $35.362.220.000 \text{ đồng} \times 8\% = 2.828.977.600 \text{ đồng}$ .
- Nguồn chi trả cổ tức 2019 là từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2019, cụ thể:
  - + Lợi nhuận sau thuế TNDN còn lại chưa phân phối năm 2018: 490.803.837 đồng
  - + Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019: 2.338.173.763 đồng.
- Hình thức chi trả: tiền mặt hoặc chuyển khoản
- Thời điểm chi trả là 6 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp ĐHCĐ thường niên năm 2020.

**7.4. Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của người lao động:**

- Kế hoạch ĐHCĐ thông qua tỷ lệ trích 30% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không được vượt quá 3 tháng tiền lương bình quân của người lao động.
- HĐQT dự kiến trình ĐHCĐ trích tỷ lệ 38%, bằng 1,5 tháng lương tiền bình quân thực hiện của người lao động là 3.804.096.375 đồng.

**7.5. Trích quỹ thưởng người quản lý công ty:**

- Kế hoạch ĐHCĐ thông qua tỷ lệ trích 5% lợi nhuận sau thuế nhưng tối đa không được vượt quá 1,5 tháng tiền lương thực hiện bình quân của người quản lý.



- HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ tỷ lệ trích 3,37% (bằng 1,5 tháng tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý) là 336.959.994 đồng.

**7.6. Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối:**

- Lợi nhuận giữ lại chưa phân phối năm 2019: 528.561.214 đồng chuyển sang năm tiếp theo.

*Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua ...cổ phần với tỷ lệ ....% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

**Điều 8. Thông qua Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính của công ty năm 2020:**

Thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019, gồm:

1. Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt.
2. Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIET NAM
3. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn một trong các đơn vị sau làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020.

*Tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua ...cổ phần với tỷ lệ ....% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long thống nhất thông qua toàn văn trước Đại hội và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Tất cả Cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, các cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và triển khai thực hiện theo chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Công trình công cộng Vĩnh Long.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA- CHỦ TỊCH HĐQT**

*Nơi Nhận:*

- Cổ đông;
- HĐQT;
- BGD, BKS;
- Website công ty, UBCKNN, HNX;
- Lưu VT; Thư ký HĐQT.

**Đào Thanh Liêm**